

Số: **368** /BC-UBND

Đắk Nông, ngày **14** tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022**

Tại Kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa IV, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh Báo cáo số 698/BC-UBND ngày 25/11/2022 về tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Báo cáo số 759/BC-UBND ngày 09/12/2022 về cập nhật, điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh tế năm 2022 và xây dựng Kế hoạch năm 2023, trong 11 nhóm chỉ tiêu chủ yếu thì ước tính có: 6/11 nhóm chỉ tiêu vượt kế hoạch, chiếm 54,55%; 5/11 nhóm chỉ tiêu đạt kế hoạch, chiếm 45,45%.

Đến nay, sau khi rà soát, cập nhật số liệu chính thức đến 31/12/2022, kết quả thực hiện 11 nhóm chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/12/2021 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 175/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh như sau:

1. Về kết quả thực hiện các nhóm chỉ tiêu chủ yếu năm 2022:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh 2010) đạt 7,59%, đạt kế hoạch đề ra (*kế hoạch là 7,5%*). Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp ước tăng 5,21%; Khu vực công nghiệp - xây dựng ước tăng 7,87%; Khu vực dịch vụ ước tăng 10,4%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,16%. GRDP bình quân đầu người đạt 59,61 triệu đồng/người/năm, vượt kế hoạch (*kế hoạch là 52,9 triệu đồng*).

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 19.280 tỷ đồng, tăng 2.440 tỷ đồng (tăng 14,5%) so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 100,3% kế hoạch (*kế hoạch là 19.220 tỷ đồng*).

(3) Thu ngân sách nhà nước đạt 3.469 tỷ đồng, đạt 116% dự toán địa phương giao (*Kế hoạch là 3.000 tỷ đồng*), giảm 1,36% so với cùng kỳ năm 2021 (*số đã báo cáo là 3.475 tỷ đồng*).

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 68%, đạt kế hoạch; tỷ lệ đô thị hóa đạt 28%, đạt kế hoạch; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện đạt 99,2%, đạt kế hoạch; Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới đạt 82%; đạt kế hoạch.

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 20.914 lượt người, vượt kế hoạch; đào tạo nghề cho 5.776 người, vượt kế hoạch; Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 11,72% (số đã báo cáo là 14%)⁽¹⁾, vượt kế hoạch.

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2025): Tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,22% (số đã báo cáo là giảm từ 3% trở lên), riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm 8,25% (số đã báo cáo là giảm từ 5% trở lên), đạt kế hoạch.

(7) Y tế: Đạt 19,8 giường bệnh/vạn dân, đạt kế hoạch; đạt 8,5 bác sỹ/vạn dân (kế hoạch là 8,3 bác sỹ/vạn dân); tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%, đạt kế hoạch.

(8) Giáo dục: Tăng thêm 14 trường đạt chuẩn quốc gia (số đã báo cáo là 11 trường), vượt kế hoạch (Kế hoạch là 10 trường/năm).

(9) Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 63,38% (số đã báo cáo là 60,56%), vượt kế hoạch (Kế hoạch là 53%).

(10) Môi trường: Trồng mới rừng tập trung trong năm đạt 2.039,57ha (số đã báo cáo là 2.039,6ha), đạt 123% kế hoạch; tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,52%, đạt kế hoạch.

(11) Nông thôn mới: Tăng thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế 36 xã); số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 16,58 tiêu chí trở lên; Tăng thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (số đã báo cáo là 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân mỗi xã đạt 16,42 tiêu chí và 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao), không đạt kế hoạch đề ra.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022:

2.1. Về xây dựng nông thôn mới: Đến nay toàn tỉnh có 36/60 xã đạt chuẩn nông thôn mới⁽²⁾, chiếm 60%; bình quân mỗi xã đạt 16,58 tiêu chí/xã và

¹ Theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, quy định mức đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện ngày 01/01/2022 tăng cao hơn so với năm 2021 đã ảnh hưởng rất lớn đến việc tuyên truyền vận động người dân tiếp tục tham gia cũng như phát triển mới người tham gia; ngoài ra, do người tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện giảm hơn 5.000 người, dẫn đến tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội năm 2022 thấp hơn năm 2021 là 1,48% và thấp hơn so với dự báo.

² Huyện Cư Jút có 7/7 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 19 tiêu chí; huyện Đắk Mil có 7/9 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 17,33 tiêu chí; huyện Đắk Song có 5/8 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 17,25 tiêu chí; huyện Đắk R'lấp có 10/10 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 19 tiêu chí; huyện Krông Nô có 3/11 xã đạt chuẩn, bình

không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí⁽³⁾; có 02/7 huyện đã có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020 (huyện Cư Jút và huyện Đắk R'lấp). Hiện nay, còn huyện Tuy Đức chưa có xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Thành phố Gia Nghĩa đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 tại Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 18/4/2022.

2.2. Về cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Theo Báo cáo kết quả xếp hạng chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố, chỉ số PCI tỉnh Đắk Nông năm 2022 đánh dấu sự thăng hạng vượt bậc của tỉnh trong bảng xếp hạng PCI toàn quốc với 64,87 điểm, đứng thứ 38/63 tỉnh, thành cả nước, tăng 2,95 điểm và 14 bậc. Đây là thứ hạng cao nhất của Đắk Nông kể từ thời điểm đánh giá PCI. Trong 10 chỉ số thành phần, tỉnh Đắk Nông có 4 chỉ số thành phần tăng điểm⁽⁴⁾, trong đó chỉ số Tính minh bạch có điểm tăng cao nhất với 1,42 điểm. Xét về thứ hạng, mặc dù có 06 chỉ số thành phần giảm điểm nhưng Đắk Nông có 05 chỉ số tăng bậc, trong đó có những chỉ số thăng hạng nổi bật trong bảng xếp hạng toàn quốc⁽⁵⁾. Đây là nỗ lực lớn trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, triển khai các giải pháp cải cách mạnh mẽ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và cả hệ thống chính trị đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận.

Qua rà soát, một số chỉ tiêu tuy có thay đổi nhưng không đáng kể về kết quả đánh giá đối với các nhóm chỉ tiêu như đã báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ 5; riêng chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giảm 2 xã dẫn đến không đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do: Ngày 08/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành các Bộ tiêu chí về nông thôn mới để thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021-2025; trong đó có nhiều chỉ tiêu, tiêu chí giao cho các bộ, ngành liên quan quy định mức độ đạt chuẩn. Trong quá trình tổ chức thực hiện thì đến cuối năm 2022 các bộ, ngành mới ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí của các Bộ tiêu chí nông thôn mới. Như vậy thời gian các xã áp dụng và tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2022 là chưa nhiều. Mặt khác, nguồn vốn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022

quân mỗi xã đạt 15,45 tiêu chí; huyện Tuy Đức chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân mỗi xã đạt 12 tiêu chí; huyện Đắk Glong có 1/7 xã đạt chuẩn, bình quân mỗi xã đạt 12,57 tiêu chí; thành phố Gia Nghĩa có 100% số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

³ Kết quả theo từng nhóm như sau: Đạt 19 tiêu chí có 35 xã, chiếm 58,3%; đạt từ 15-18 tiêu chí có 6 xã, chiếm 10%; đạt từ 10-14 tiêu chí có 19 xã, chiếm 31,7%.

⁴ Tính minh bạch tăng 1,42 điểm; Chi phí thời gian tăng 0,42 điểm; Chi phí không chính thức tăng 0,17 điểm; Tính năng động và tiên phong của chính quyền tăng 0,04 điểm.

⁵ Chi phí thời gian xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố, tăng 21 bậc; Chỉ số Tính minh bạch tăng 43 bậc; Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tăng 15 bậc; Tính năng động tăng 10 bậc; Chi phí không chính thức tăng 12 bậc. Trong đó, có 4 chỉ số cao hơn so với trung vị của cả nước: Tính minh bạch; Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức và Tính năng động và tiên phong của chính quyền.

nói riêng (bao gồm cả vốn năm 2021 chuyển qua) được giao rất muộn; bên cạnh đó các thông tư, hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương có liên quan về quản lý, sử dụng nguồn vốn cũng ban hành chưa được kịp thời. Vì vậy, tình hình thực hiện và giải ngân nguồn vốn năm 2022 chậm so với tiến độ, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới, nhất là các chỉ tiêu, tiêu chí về xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu. Do đó, kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2022 không đạt chỉ tiêu như đã dự báo.

Như vậy, số liệu cập nhật chính thức đến ngày 31/12/2022, có 06/11 nhóm chỉ tiêu vượt kế hoạch; 04/11 nhóm chỉ tiêu đạt kế hoạch⁶; 01/11 nhóm chỉ tiêu không đạt kế hoạch, cho thấy các cấp, các ngành cơ bản đã dự báo, nhận định, đánh giá sát với tình hình thực tế của địa phương và hoàn thành tốt các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Đồng thời, những nhận định, đánh giá, dự báo để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 đã trình Tỉnh ủy và HĐND tỉnh là chính xác, phù hợp và có tính khả thi cao.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Trong 6 tháng đầu năm, tình hình thời tiết cơ bản thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhất là trong sản xuất nông nghiệp. Cung cầu hàng hóa trong tỉnh được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng và sử dụng các dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch tăng cao, đặc biệt trong các dịp lễ. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp, sự xuất hiện hàng loạt các biến chủng mới với khả năng lây tránh miễn dịch rất cao, nguy cơ dịch COVID-19 bùng phát trên địa bàn tỉnh là rất lớn. Một số nhà máy không đảm bảo được nguồn nguyên liệu để sản xuất, thị trường tiêu thụ giảm nên sản lượng sản xuất các sản phẩm công nghiệp giảm. Nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước sản xuất trên địa bàn một số huyện. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chủ động tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương tích cực triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tại các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp và trong quá trình triển khai thực hiện một số công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh; tích cực xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài và những vấn đề phát sinh; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số; tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội... để từng bước khôi phục các điểm “nghẽn”, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế; đồng thời quyết liệt chấn chỉnh, tăng cường trách

⁶ Giảm 1 chỉ tiêu, do chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới không đạt kế hoạch đề ra.

nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương, cán bộ, công chức trong xử lý công việc. Theo đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cơ bản vẫn giữ được ổn định, một số ngành, lĩnh vực có mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ và đạt được những kết quả quan trọng và khá toàn diện. Cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu:

Về 11 nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2023 đề ra tại Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 12/12/2022 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ năm 2023 và Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó có 08 nhóm chỉ tiêu có thể đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng, 03 nhóm chỉ tiêu sẽ đánh giá vào cuối năm. Kết quả thực hiện 08 nhóm chỉ tiêu trong 6 tháng đầu năm như sau:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh 2010) ước đạt 5,23% (KH 7,5%), đứng thứ 3/5 tỉnh khu vực Tây Nguyên⁽⁷⁾. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp ước tăng 5,19%; Khu vực công nghiệp - xây dựng ước tăng 3,96%; Khu vực dịch vụ ước tăng 5,7%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,05% (*riêng GRDP bình quân đầu người sẽ đánh giá vào cuối năm*).

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 8.361,8 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm 2022 đạt 8.309,5 tỷ đồng) và đạt 39% kế hoạch.

(3) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 1.550 tỷ đồng, giảm 20,5% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 42% dự toán địa phương giao.

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung ước đạt 69% (*kế hoạch 70%*); Tỷ lệ đô thị hóa đạt 28%, đạt kế hoạch; Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới đạt 82,38% (*kế hoạch 83%*).

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm là 10.511 lượt người, đạt 57,75% kế hoạch và tăng 2% so với cùng kỳ năm 2022; tỷ lệ người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội ước đạt 11,23% (*kế hoạch 15%*).

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021-2025): Đánh giá cuối năm.

(7) Y tế: Đạt 20,2 giường bệnh/vạn dân, đạt kế hoạch; đạt 8,5 bác sỹ/vạn dân, đạt kế hoạch; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của người dân ước đạt 81,78% (*kế hoạch 92,75%*).

(8) Giáo dục: Đã công nhận mới 09 trường học đạt chuẩn quốc gia, bằng so với cùng kỳ và đạt 81,8% kế hoạch.

⁷ Đứng đầu là tỉnh Kon Tum ước đạt 6,8%, tiếp theo là tỉnh Gia Lai ước đạt 5,54%; tỉnh Đắk Nông ước đạt 5,23%; tỉnh Lâm Đồng ước đạt 5,07% và tỉnh Đắk Lắk ước đạt 4,01%.

(9) Văn hóa: Đánh giá cuối năm.

(10) Môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,52% (*kế hoạch 39%*).

(11) Nông thôn mới: Đánh giá cuối năm.

(*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*)

2. Về phát triển kinh tế:

2.1. Tăng trưởng GRDP: Tổng sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010) ước đạt 9.188,58 tỷ đồng, tăng 5,23%; trong đó: Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 2.356,02 tỷ đồng, tăng 5,19%; Khu vực công nghiệp và xây dựng ước đạt 2.112,73 tỷ đồng, tăng 3,96%; Khu vực dịch vụ ước đạt 4.303,08 tỷ đồng, tăng 5,7%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 416,75 tỷ đồng, tăng 7,05%. GRDP giá hiện hành ước đạt 16.405,02 tỷ đồng.

2.2. Công nghiệp: Trong những tháng đầu năm, Tỉnh ủy, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo thúc đẩy sản xuất, đặc biệt tháo gỡ khó khăn cho các dự án trọng điểm để tạo năng lực sản xuất mới⁽⁸⁾. Vì vậy, tình hình sản xuất công nghiệp cơ bản vẫn giữ được nhịp tăng trưởng, phần lớn các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với cùng kỳ⁽⁹⁾. Bên cạnh đó, một số nhà máy không đảm bảo được nguồn nguyên liệu để sản xuất, thị trường tiêu thụ giảm nên sản lượng sản xuất giảm⁽¹⁰⁾. Chỉ số sản xuất công nghiệp 06 tháng đầu năm 2023 ước tăng 5,41% so với cùng kỳ năm 2022⁽¹¹⁾.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu các sản phẩm công nghiệp chủ yếu 6 tháng đầu năm 2023 *như Phụ lục III kèm theo.*

2.3. Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) *Trồng trọt:* Gieo trồng vụ Đông Xuân 2022-2023 đạt 10.230ha, nhiều hơn cùng kỳ năm trước 14,4 ha (*năm trước đạt 10.215,6 ha*), đạt 99% kế hoạch; đến nay đã thu hoạch 9.253 ha, chậm hơn cùng kỳ năm trước 374,2 ha (*năm trước đạt 9.627,2 ha*), đạt 90,4% diện tích gieo trồng. Gieo trồng vụ Hè Thu năm 2023 đến nay đạt 16.452 ha, chậm hơn cùng kì năm trước 3.049 ha (*năm trước đạt 19.501 ha*), đạt 33% kế hoạch. Diện tích cây lâu năm chưa có sự biến động

⁸ Đảm bảo nguồn nguyên liệu để duy trì và ổn định sản xuất cho Nhà máy alumin Nhân Cơ; Nhà máy thủy điện Nam Long với công suất 9MW dự kiến đi vào hoạt động trong tháng 6/2023.

⁹ Đá xây dựng ước đạt 435 nghìn m³, tăng 6,4%; gạch xây dựng bằng đất sét nung ước đạt 38 triệu viên, tăng 2,7%; tinh bột sắn ước đạt 16.085 tấn, tăng 12%; cả phê bột ước đạt 953 tấn, tăng 5,5%; chế biến cà phê nhân ước đạt 141.000 tấn, tăng 0,7%; sản phẩm bản, ghế, giường, tủ, ... bằng gỗ ước đạt 37.943 sản phẩm, tăng 2,3%; mù cao su ước đạt 6.549 tấn, tăng 12,7%; hạt điều nhân ước đạt 1.741 tấn, tăng 11,7%; Điện sản xuất ước đạt 411 triệu kwh, giảm 3,1%; điện thương phẩm ước đạt 202,2 triệu kwh, tăng 0,1%; nước máy ước đạt 2.214 nghìn m³, tăng 8%; đá xẻ ốp lát ước đạt 403.000 m², tăng 8,9%; Sản phẩm Alumin ước đạt 360 nghìn tấn, giảm 0,4%.

¹⁰ như: Sản phẩm Cồn tinh luyện và khí CO₂ sản xuất theo đơn đặt hàng; đậu phộng, đậu nành sấy; ván ép từ gỗ thiếu nguyên liệu đầu vào để sản xuất, chi phí đầu vào tăng, thị trường tiêu thụ giảm.

¹¹ Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 4,98%; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,01%; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 6,35%; Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,12%.

do mới bắt đầu vào mùa mưa; tình hình sinh trưởng và phát triển ổn định. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng không đáng kể, tỷ lệ gây hại thấp.

b) Chăn nuôi và thủy sản

Đến nay, tổng đàn lợn đạt 429.920 con (đạt 85,98% KH); tổng đàn bò 23.213 con (đạt 80,04% KH); tổng đàn trâu 2.432 con (đạt 81,07% KH); tổng đàn gia cầm 2.030.734 con (đạt 72,53 % KH), tổng đàn dê 42.960 con (đạt 85,92 % KH). Nhìn chung, tổng đàn gia súc, gia cầm giảm so với 03 tháng đầu năm, nguyên nhân chủ yếu là do giá thành thức ăn chăn nuôi tăng, giá thịt hơi giảm, vì vậy người dân chưa mạnh dạn tái đàn.

Trong những tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh không phát sinh các loại dịch bệnh động vật nguy hiểm (như: Viêm da nổi cục, Lở mồm long móng,...). Đối với Dịch tả lợn Châu Phi hiện nay xảy ra trên địa bàn 02 huyện với số lợn mắc bệnh, đã tiêu hủy là 72 con/1.608kg⁽¹²⁾. Các cấp, các ngành đã tập trung chỉ đạo triển khai các biện pháp phòng, chống, khoanh vùng không chế dịch, không để lây lan diện rộng.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 1.840 ha/1.912 ha (đạt 96,23% KH); tổng sản lượng thủy sản ước đạt 3.930/8.370 tấn (đạt 46,95% KH), trong đó sản lượng từ nuôi trồng thủy sản 3.470 tấn và khai thác thủy sản đạt 460 tấn.

c) Bảo vệ và phát triển rừng

Để bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng năm 2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển rừng với diện tích 3.179,04 ha⁽¹³⁾. Đến nay, tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,52% (kế hoạch là 39%). Tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán năm 2023 trên địa bàn các huyện, thành phố.

Trong kỳ, đã xảy ra 96 vụ, diện tích rừng bị thiệt hại 20,2392 ha (*giảm 74 vụ, 15,6528 ha so với cùng kỳ năm 2022*). Mặc dù số lượng các vụ phá rừng trái pháp luật và diện tích bị phá đã giảm so với cùng kỳ năm ngoái nhưng vẫn còn các phá rừng xảy ra với quy mô nhỏ, lẻ, chủ yếu tập trung tại địa bàn các huyện: Đăk Glong, Đăk Song, Tuy Đức và thành phố Gia Nghĩa. Nguyên nhân chủ yếu do một số đơn vị chủ rừng chưa thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, trong điều kiện diện tích rừng tự nhiên còn phân tán; chưa thực hiện tốt công tác phối hợp với lực lượng kiểm lâm và chính quyền địa phương, chưa tổ chức lực lượng ngăn chặn kịp thời, dẫn đến tình trạng phá rừng vẫn còn xảy ra.

¹² (1) Huyện Đăk Glong tại ổ dịch cũ, phát sinh thêm 02 hộ, số lợn mắc bệnh và tiêu hủy là 02 con/50kg; lũy kế số lợn mắc bệnh và đã tiêu hủy đến nay là 12 con/300kg; (2) Huyện Tuy Đức xảy ra tại bon Đăk Mrê, xã Đăk Rít, huyện Tuy Đức với số lợn mắc bệnh và tiêu hủy là 08con/118kg; lũy kế số lợn mắc bệnh và đã tiêu hủy là 60 con/1.308kg.

¹³ (1) Đợt 1: 2.889,34 ha (trong đó: trồng rừng tập trung 396,31 ha, nông lâm kết hợp 1.526 ha, trồng cây phân tán 148,6 ha và khoanh nuôi 818,43 ha); (2) Đợt 2: 289,7 ha (trong đó: trồng rừng tập trung 64,51 ha, nông lâm kết hợp 202,55 ha, trồng cây phân tán 14 ha và khoanh nuôi tự nhiên 8,64 ha).

d) Xây dựng nông thôn mới

Nhằm đánh giá việc thực hiện, xác định mức độ đạt các mục tiêu, tiêu chí nông thôn mới giữa kỳ, hàng năm, giai đoạn và đánh giá tác động của Chương trình đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát và đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới thuộc xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh; xây dựng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 và Bộ tiêu chí mô hình thôn thông minh.

Đến nay, toàn tỉnh có 36/60 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 60%; bình quân mỗi xã đạt 16,58 tiêu chí/xã và không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí. Kết quả theo từng nhóm như sau: Đạt 19 tiêu chí có 35 xã, chiếm 58,3%; đạt từ 15-18 tiêu chí có 6 xã, chiếm 10%; đạt từ 10-14 tiêu chí có 19 xã, chiếm 31,7%.

đ) Thủy lợi, phòng chống thiên tai và Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có tổng 275 công trình thủy lợi do Nhà nước quản lý⁽¹⁴⁾. Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới ước đạt 82,38%, tăng 1,11% so với cùng kỳ năm 2022.

Từ đầu năm đến nay, xảy ra 09 đợt mưa lớn kèm theo gió lốc gây thiệt hại về nhà ở, tài sản và cây trồng của người dân trên địa bàn một số huyện, ước tính tổng thiệt hại hơn 03 tỷ đồng.

Toàn tỉnh có 258 công trình cấp nước tập trung, trong đó có 87 công trình đang hoạt động, còn lại 171 công trình không hoạt động. Về Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn, đến nay đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng 24 công trình cấp nước cho cộng đồng dân cư; 44 công trình cấp nước và vệ sinh trường học; 19 công trình cấp nước và vệ sinh trạm y tế. Đến nay, tổng số hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 119.410 hộ, đạt tỷ lệ 92,4% (kế hoạch 93%), tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn là 52,4% (kế hoạch 53%), tăng 1% so với cùng kỳ năm 2022.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu 6 tháng đầu năm 2023 *như phụ lục III kèm theo.*

2.4. Thương mại, dịch vụ và du lịch

a) Thương mại

Thị trường hàng hoá trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm người dân; lượng hàng hoá phục vụ các ngày Lễ, Tết phong phú, đa

¹⁴ trong đó: Có 255 hồ chứa, 32 đập dâng, 08 hệ thống kênh tiêu, 10 hệ thống trạm bơm và 02 công trình thủy lợi khác.

dạng về chủng loại, mẫu mã và đảm bảo chất lượng. Nguồn cung mặt hàng xăng dầu đầy đủ, giá cả hầu hết các mặt hàng đều có xu hướng tăng/giảm đan xen theo tình hình trong nước và thế giới, tuy nhiên mức chênh lệch không đáng kể.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh 06 tháng đầu năm 2023 ước đạt 11.550 tỷ đồng⁽¹⁵⁾, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 54,38% kế hoạch (kế hoạch 21.241 tỷ đồng).

b) Tình hình xuất, nhập khẩu

Kim ngạch xuất khẩu 06 tháng đầu năm 2023 dự kiến đạt 572 triệu USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 45% kế hoạch (kế hoạch 1.271 triệu USD). Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu tăng⁽¹⁶⁾. Kim ngạch nhập khẩu 06 tháng đầu năm dự kiến đạt 124 triệu USD, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 49,6% kế hoạch (kế hoạch 250 triệu USD), do nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị, phụ tùng giảm⁽¹⁷⁾.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa

Khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 2.205.210 hành khách, tăng 63,37% so với cùng kỳ năm 2022; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt 451.978.760 HK.Km, tăng 62,77% so với cùng kỳ. Khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 2.732.920 tấn, tăng 28,09% so với cùng kỳ; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 293.135.370 tấn.Km, tăng 24,75% so với cùng kỳ.

d) Thông tin và viễn thông

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 11 đơn vị cung cấp các dịch vụ bưu chính chuyên phát⁽¹⁸⁾; có 57 bưu cục, 19 Đại lý, 46 Điểm Bưu điện văn hóa xã, 46 điểm phục vụ hình thức khác cung cấp đầy đủ các dịch vụ đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, chuyên phát, bưu chính công ích của nhân dân⁽¹⁹⁾. Có 04 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ Viễn thông - Internet⁽²⁰⁾, cơ bản đáp ứng tốt cho việc phục vụ nhu cầu sử dụng các dịch vụ viễn thông trên nền tảng điện thoại di động và internet cố định⁽²¹⁾; có 1.130 trạm BTS, hạ tầng Internet băng rộng cố định đã được triển khai tại 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Số thuê bao băng rộng cố định hộ gia đình là 93.832 thuê bao; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang đạt 54,8%.

¹⁵ Trong đó: Thương nghiệp ước đạt 8.227 tỷ đồng, tăng 6,4%; Lưu trú và ăn uống ước đạt 2.812 tỷ đồng, tăng 68,6%; Dịch vụ khác ước đạt 511 tỷ đồng, tăng 51,6%.

¹⁶ Như: Cà phê ước đạt 120 triệu USD, tăng 50,6%; điều nhân ước đạt 180 triệu USD, tăng 92,5%; tiêu đen ước đạt 45 triệu USD, giảm 42,5%; đậu phộng sây ước đạt 0,8 triệu USD, tăng 60%; ván MDF ước đạt 11 triệu USD, tăng 35,8%; nhôm ước đạt 135 triệu USD, giảm 22,6%; các sản phẩm khác ước đạt 80,2 triệu USD, tăng 15%.

¹⁷ Máy móc thiết bị, phụ tùng ước đạt 2 triệu USD, giảm 50% so với cùng kỳ.

¹⁸ Chiếm thị phần lớn là Bưu điện tỉnh và Bưu chính Viettel, các đơn vị còn lại chỉ tham gia với thị phần nhỏ, chủ yếu là cung cấp dịch vụ chuyên phát hàng hóa

¹⁹ Doanh thu đến hết quý I/2023 đạt 53.612 triệu đồng, nộp ngân sách nhà nước: 1.158 triệu đồng.

²⁰ Gồm: Viễn thông Đắk Nông, Chi nhánh Viettel Đắk Nông, Mobifone Đắk Nông và Công ty cổ phần Viễn thông di động Vietnamobile.

²¹ Doanh thu lĩnh vực tính đến hết quý I/2023 đạt 284.891 triệu đồng, nộp ngân sách nhà nước: 5.539 triệu đồng.

Hiện nay, 100% cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh đến cấp xã kết nối liên thông với nhau để gửi nhận văn bản điện tử qua môi trường mạng và đã liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành, 08/08 huyện, thành phố; 17/17 Sở, ban, ngành có thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh đã triển khai niêm yết thủ tục hành chính bằng mã QR-code.

Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông của tỉnh cung cấp 717 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 407 dịch vụ công trực tuyến một phần, thực hiện kết nối 526 thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

đ) Du lịch

Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Công tác phục vụ khách du lịch dịp lễ được các địa phương cũng như doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh du lịch quan tâm triển khai sớm để đảm bảo môi trường du lịch, chất lượng phục vụ du khách. Các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đã chú trọng mở thêm nhiều loại hình dịch vụ mới phù hợp với thị hiếu của du khách, qua đó đã thu hút được một lượng lớn khách du lịch trong tỉnh và các tỉnh lân cận đến tham quan và trải nghiệm dịch vụ. Tổng lượt khách du lịch đến Đắk Nông 6 tháng đầu năm ước đạt 412.000 lượt khách, tăng 68,5% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó khách quốc tế ước đạt 2.470 lượt khách, tăng 357,4% so với cùng kỳ năm 2022; Tổng lượt khách lưu trú ước đạt 198.000 lượt. Tổng thu từ hoạt động du lịch ước đạt 79.400 triệu đồng, tăng 218,9% so với cùng kỳ năm 2022.

2.5. Đầu tư phát triển

a) *Tổng vốn đầu tư toàn xã hội*: 06 tháng đầu năm ước đạt 8.361,8 tỷ đồng, tăng 0,6% so với cùng kỳ, đạt 39% kế hoạch.

b) *Tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước, tỷ lệ giải ngân trong kỳ*

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 là 3.822,7 tỷ đồng⁽²²⁾; cụ thể:

- Kế hoạch vốn giao năm 2023 là 3.473,2 tỷ đồng. Số vốn đã giao chi tiết đến thời điểm báo cáo là 3.248,1 tỷ đồng (đạt 93,5% kế hoạch vốn);

- Kế hoạch vốn kéo dài năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 349,5 tỷ đồng nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia.

Tình hình giải ngân kế hoạch vốn: Đến ngày 31/5/2023, đã giải ngân được 833,669 tỷ đồng/3.822,7 tỷ đồng đạt 21,8%. Nhìn chung, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công 06 tháng đầu năm cơ bản vẫn giữ được nhịp độ ổn định, tuy nhiên chưa có bước đột phá so với tiến độ giải ngân chung của cả nước, một số hạng mục, dự án hạ tầng giao thông phải tạm dừng thực hiện do vướng mắc trong

²² bao gồm: kế hoạch vốn được giao năm 2023 là 3.473,2 tỷ đồng; kế hoạch vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 349,5 tỷ đồng

việc đầu tư xây dựng dự án nằm trong diện tích các mỏ bô xít đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng; một số dự án trọng điểm đang thiếu nguồn đất đắp, hiện chưa có quy hoạch mỏ đất đắp trên địa bàn cũng như nguồn đất dôi dư để làm thủ tục cấp phép theo quy định của Luật khoáng sản, dẫn đến chưa xác định được nguồn vật liệu đất đắp phục vụ cho công trình...

c) Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Trong 6 tháng đầu năm 2023, không thu hút được dự án FDI. Tổng số dự án FDI đang hoạt động trên địa bàn tỉnh hiện nay là 13 dự án với tổng mức đầu tư đăng ký là 17.564 tỷ đồng. Trong thời gian qua các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh vẫn hoạt động ổn định, chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

d) Thu hút và xúc tiến đầu tư

Trong 6 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư đối với 02 dự án đầu tư ngoài ngân sách với tổng mức đầu tư đăng ký là 323 tỷ đồng (dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp và y tế). Ngoài ra, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 02 nhà đầu tư với tổng số vốn đăng ký là 19 tỷ đồng, diện tích đất thuê lại 0,84 ha trong Khu công nghiệp Tâm Thắng.

Với quyết tâm lớn của tỉnh trong chỉ đạo, điều hành, nỗ lực đẩy mạnh cải cách hành chính để đồng hành cùng nhà đầu tư, trong thời gian qua Lãnh đạo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chủ động kết nối, mời gọi, gặp gỡ, làm việc với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đến khảo sát, tìm kiếm cơ hội đầu tư. Qua đó, các nhà đầu tư đã đề xuất, cam kết sớm triển khai nhiều dự án có quy mô và vốn đăng ký đầu tư rất lớn trên địa bàn tỉnh.

2.6. Hoạt động ngân hàng; thu, chi ngân sách

a) Hoạt động Ngân hàng:

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn thực hiện tốt công tác huy động vốn, công tác cho vay và xử lý nợ xấu; triển khai tích cực các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; đẩy mạnh các chương trình, chính sách tín dụng trong từng thời kỳ theo đúng định hướng của cấp trên. Kết quả hoạt động ngân hàng trong thời gian qua luôn an toàn, hiệu quả, dịch vụ tiện ích ngân hàng ngày càng đa dạng, hiện đại; tình hình lãi suất tại các TCTD diễn biến linh hoạt; tăng trưởng huy động vốn, cho vay luôn ổn định, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, chất lượng tín dụng luôn đảm bảo chất lượng và nằm trong tầm kiểm soát. Tổng nguồn vốn huy động đến ngày 30/5/2023 ước đạt 17.440 tỷ đồng, tăng 900 tỷ đồng (5,44%) so với đầu năm. Tổng dư nợ cho vay ước đạt 41.400 tỷ đồng, tăng 1.893 tỷ đồng (4,79%) so với đầu năm; Trong đó, dư nợ xấu còn khoảng 148 tỷ đồng, giảm 47 tỷ đồng so với đầu năm, tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ chiếm 0,36% (tỷ lệ nợ xấu thời điểm ngày 31/12/2022 là 0,49%).

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số (nhất là thanh toán không dùng tiền mặt) theo chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đến ngày 30/5/2023, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ước có 85 ATM hoạt động (tăng 05 máy so với đầu năm), mạng lưới máy chấp nhận thẻ (POS) đang còn hoạt động trên địa bàn tỉnh ước đạt 325 máy (tăng 41 máy so với đầu năm); số QRcode được trang bị tại các điểm sản xuất, kinh doanh để phục vụ nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt của khách hàng ước đạt 5.150 mã Qrcode (tăng 1.711 mã so với đầu năm); số đơn vị trả lương qua tài khoản ước đạt 1.240 đơn vị (tăng 188 đơn vị so với đầu năm). Hệ thống các TCTD trên địa bàn được củng cố và phát triển, mạng lưới hoạt động được mở rộng, phủ khắp địa bàn các huyện, thành phố, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp⁽²³⁾.

b) Thu, chi ngân sách

Do áp lực lạm phát gia tăng; thị trường tiền tệ, bất động sản và giải ngân vốn đầu tư công còn nhiều điểm nghẽn,... chưa thể khắc phục ngay, dẫn đến việc triển khai nhiệm vụ thu ngân sách của tỉnh trong những tháng đầu năm 2023 chưa đạt tiến độ đề ra. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 06 tháng đầu năm là 1.550 tỷ đồng⁽²⁴⁾, giảm 20,5% so với cùng kỳ, đạt 49% dự toán Trung ương giao và đạt 42% dự toán địa phương giao.

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 06 tháng đầu năm là 4.856 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ và đạt 53% dự toán địa phương giao. Nhìn chung, chi ngân sách địa phương được phân bổ đảm bảo thời gian theo quy định; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội của địa phương, đặc biệt là công tác phòng, chống và hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

2.7. Doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh

a) Phát triển doanh nghiệp: Trong kỳ, có 274 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 17,9% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký là 1.120 tỷ đồng, giảm 58% so với cùng kỳ. Có 36 doanh nghiệp giải thể, giảm 14% so với cùng kỳ; 114 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, giảm 20% so với cùng kỳ. Nhìn chung, số lượng doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động kinh doanh giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2022, thể hiện các chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn của Trung ương và địa phương đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và số vốn đăng ký giảm so với cùng kỳ, nguyên nhân một phần là do hiện nay nhà nước đang thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát dẫn đến lãi suất cho vay tại các ngân hàng thương mại tăng cao, làm giảm khả năng đáp ứng nhu cầu vốn tín

²³ Đến nay, mạng lưới hoạt động gồm 14 TCTD với 08 chi nhánh và 40 phòng giao dịch trực thuộc.

²⁴ Trong đó: Thu nội địa là 1.464 tỷ đồng, đạt 42% dự toán địa phương; Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu là 84 tỷ đồng, đạt 47% dự toán; Thu huy động đóng góp 1,7 tỷ đồng.

dụng cho sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng phân nào đến hoạt động đầu tư kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

b) Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước

Các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước đã ổn định cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động; nhân sự lãnh đạo, quản lý tại các công ty cũng đã được kiện toàn. Các công ty đã được phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và giai đoạn 2021-2025; về cơ bản các doanh nghiệp hoạt động đảm bảo chỉ tiêu bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao; các công ty lâm nghiệp đã được phê duyệt Đề án sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ với ngành nghề kinh doanh chủ yếu của các doanh nghiệp là thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; trồng và chăm sóc rừng trồng, hoạt động sản xuất kinh doanh không đáng kể; các công ty thuộc lĩnh vực ngành nghề khác đã được phê duyệt Đề án theo quy định tại Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đắc Nông hoạt động chưa hiệu quả do năng lực tài chính hiện tại chưa đảm bảo trong hoạt động kinh doanh, vé số của các tỉnh miền Nam và xổ số điện toán (Vietlott) đang xâm lấn thị trường tỉnh cũng đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đã hoàn thành việc cổ phần hóa, nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối đối với 02/04 doanh nghiệp⁽²⁵⁾; hiện tỉnh đang tổ chức rà soát và thẩm định các nội dung liên quan để đề xuất phương án sắp xếp các công ty còn lại²⁶ cho phù hợp với quy định tại Kết luận số 82/KL-TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 984/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, liên quan đến diện tích đất đang quản lý, sử dụng trên 500ha và khó khăn liên quan đến việc xử lý công nợ, tài chính do âm vốn chủ sở hữu.

Công tác giải thể doanh nghiệp nhà nước đã có nhiều tiến triển. Đến nay, nhiều khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền, nhất là việc xử lý tài chính, công nợ, xử lý đất và tài sản gắn liền với đất đã được xử lý. Tuy nhiên, do vướng mắc từ việc xử lý đất đai, các hợp đồng liên doanh liên kết, hợp đồng giao khoán, việc xử lý tài chính, tài sản công nợ tồn tại từ lâu, hồ sơ tài liệu không còn đầy đủ; quy định pháp luật còn vướng mắc; chưa đảm bảo cơ sở để xử lý dứt điểm các tồn tại và hoàn thành công tác giải thể doanh nghiệp nhà nước.

c) Cải thiện chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Đề tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong năm 2023 và những năm tiếp theo; ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 02/02/2023 về việc

²⁵ Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An, nay là Công ty cổ phần Cà phê Thuận An và Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học Đắc Nông.

²⁶ Công ty Cà phê Đức Lập và Công ty TNHH MTV Nam Nung.

thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 16/3/2023 về triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế tư nhân gắn với cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2023; Tổ chức đánh giá những kết quả đạt được và tồn tại hạn chế về môi trường đầu tư kinh doanh tỉnh Đắk Nông từ kết quả PCI 2022, Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) 2022. Báo cáo đánh giá sơ kết tình hình thực hiện Chương trình số 23-CTr/TU ngày 27/8/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2021-2025.

Năm 2022, VCCI chính thức triển khai điều tra Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) như một hợp phần về môi trường được tích hợp trong điều tra PCI 2022. Chỉ số PGI tập hợp cảm nhận của doanh nghiệp và truyền tải “tiếng nói” của cả cộng đồng doanh nghiệp về chất lượng quản trị môi trường tới chính quyền các cấp. Chỉ số PGI tổng hợp năm 2022 của tỉnh Đắk Nông đạt 14,01 điểm, xếp thứ 48/63 toàn quốc. Việc triển khai đánh giá Chỉ số PGI hiện nay đang ở giai đoạn khởi động, UBND tỉnh đang chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng các giải pháp cần thiết để có thể ngăn chặn sự suy thoái về môi trường và biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực quản trị môi trường của tỉnh.

2.8. Đô thị, xây dựng và kết cấu hạ tầng

a) *Đô thị, xây dựng*: UBND tỉnh đã phê duyệt và công bố công khai đồ án Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phường Nghĩa Đức mở rộng; ban hành Kế hoạch số 712/KH-UBND ngày 28/11/2022 thực hiện Chương trình số 46-CTr/TU ngày 11/9/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện thay đổi chỉ tiêu xây dựng thị trấn Đức An, huyện Đắk Song và thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô đạt tiêu chí đô thị loại IV đến năm 2030. Với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, tỷ lệ đô thị hóa trong 6 tháng đầu năm đạt 28%, bình quân m^2 sản xây dựng nhà ở tính trên một người dân đạt 25,1 m^2 /người (kế hoạch 25,5 m^2 /người).

b) Kết cấu hạ tầng

- Hạ tầng giao thông: Trong 6 tháng đầu năm, khối lượng thi công hoàn thành các công trình giao thông chuyên tiếp đạt kết quả khá, các công trình khởi công mới trong năm 2023 đang tập trung ở hạng mục nền, móng đường và hệ thống thoát nước. Đến nay, toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp được

khoảng 100Km⁽²⁷⁾ đường giao thông, nâng tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh từ 68% lên 69% (kế hoạch 70%).

- Hạ tầng cấp điện: Hạ tầng lưới điện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được đầu tư, cải tạo nâng cấp, mở rộng nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho nhu cầu hoạt động sản xuất và sinh hoạt, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh tại địa phương. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 dự án thủy điện đang thi công, với tổng công suất 14MW⁽²⁸⁾; 01 nhà máy điện gió Nam Bình 1, với tổng công suất 30MW đã hoàn thành xây dựng năm 2021 nhưng chưa vận hành; 03 dự án điện gió (Đắk N'Drung 1, Đắk N'Drung 2, Đắk N'Drung 3, với tổng công suất 300MW) đang triển khai xây dựng; dự án điện gió Asia Đắk Song 1, với tổng công suất 50MW đang triển khai các thủ tục về đầu tư xây dựng nhằm giải quyết nhu cầu năng lượng ngày càng tăng cao hiện nay.

- Hạ tầng thương mại: Trên địa bàn tỉnh hiện có 46 chợ được phân bố trên 42 xã, phường và thị trấn; 01 Trung tâm thương mại Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp hoàn thiện giai đoạn 1, đang thực hiện giai đoạn 2; 01 Siêu thị hạng II tại thành phố Gia Nghĩa; 01 trung tâm phức hợp, huyện Cư Jút; trên 10.000 cơ sở kinh doanh thương mại (tạp hóa, cửa hàng tiện lợi...); có 245 cửa hàng xăng dầu và trên 260 cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) đang hoạt động, được phân bố rộng khắp, đảm bảo cung cấp đầy đủ, an toàn cho sản xuất và tiêu dùng; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, dự án Trung tâm thương mại Đắk Mil tại huyện Đắk Mil với tổng vốn đầu tư 645 tỷ đồng, diện tích 7.526,5 m² đang tiếp tục được triển khai thực hiện, dự kiến cuối năm 2023 hoàn thành; Dự án chợ Gia Nghĩa đã hoàn thành và đưa vào hoạt động giai đoạn 1, sẽ tác động tích cực đến đời sống, kinh tế của tỉnh.

2.9. Công tác lập Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Ngày 05/4/2023, Hội đồng thẩm định Hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã tổ chức thẩm định và thông qua Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, UBND tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan khẩn trương tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định, đồng thời rà soát tổng thể nội dung để hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2023.

2.10. Về chuyển đổi số:

a) *Về hạ tầng số:* Tỷ lệ vùng phủ sóng thông tin di động đạt 98% các khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh; thuê bao băng rộng di động đạt 480.521 thuê bao, đạt tỷ lệ 72 thuê bao/100 dân. Trên địa bàn tỉnh có 1.130 trạm BTS. Hạ tầng

²⁷ trong đó, nhựa hóa được khoảng 47Km, đầu tư xây dựng mới 26km, nâng cấp cải tạo 26km.

²⁸ trong đó Dự án thủy điện Nam Long 9MW, dự kiến vận hành vào Quý II/2023 và 04 dự án thủy điện đang thực hiện các thủ tục đầu tư với tổng công suất 22,8MW.

Internet băng rộng cố định đã được triển khai tại 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Số thuê bao băng rộng cố định hộ gia đình là 93.832 thuê bao; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang đạt 54,8%

b) Về Chính quyền số:

- Các hệ thống nền tảng, phát triển dữ liệu ứng dụng, dịch vụ: Nền tảng chia sẻ, tích hợp của tỉnh (LGSP) và Kho dữ liệu dùng chung theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông phiên bản 2.0 đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý. Đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, tỉnh đã kết nối 08 hệ thống gồm: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam... Đồng thời, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh cũng đã chính thức kết nối và khai thác dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong tháng 02/2023. Đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh, đã thực hiện kết nối 07 hệ thống gồm: Hệ thống quản lý di sản; hệ thống Phản ánh hiện trường; hệ thống Báo cáo kinh tế - xã hội; cơ sở dữ liệu doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu đầu tư công; công dữ liệu y tế; cơ sở dữ liệu giáo dục.

- Công thông tin dữ liệu đất đai: Hiện nay, đã triển khai công tác đo đạc, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn toàn tỉnh. Trong đó, các huyện: Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Glong, Đắk Song và Đắk Mil đã hoàn thành công tác đo đạc, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại tại tỉnh mới hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính huyện Đắk R'lấp (huyện điểm), các huyện còn lại đang tiếp tục thực hiện công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (phiên bản 5.0): Hiện nay, 100% cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với 100% cơ quan Khối Chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã để gửi nhận văn bản điện tử qua môi trường mạng và đã liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành⁽²⁹⁾. Hệ thống đã liên thông với một số đơn vị ngành dọc như: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước Đắk Nông, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Cục Thống kê tỉnh.

c) Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến: 08/08 huyện, thành phố (đạt tỷ lệ 100%); 17/17 Sở, ban, ngành⁽³⁰⁾ (đạt tỷ lệ 100%) có thủ tục hành chính trên địa bàn

²⁹ cụ thể: 19/19 Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; 08/08 UBND huyện, thành phố; 71/71 UBND các xã, phường, thị trấn, 352 các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc

³⁰ Văn phòng UBND tỉnh không có thủ tục hành chính

tỉnh đã triển khai niêm yết thủ tục hành chính bằng mã QR-code. Công Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông được triển khai cho toàn tỉnh⁽³¹⁾; cung cấp 717 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 407 dịch vụ công trực tuyến một phần, thực hiện kết nối 526 thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia⁽³²⁾.

d) *Việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*: Đã triển khai thực hiện 17/25 thủ tục hành chính thiết yếu trên cổng dịch vụ công quốc gia và cổng dịch vụ công của Bộ Công an, trong đó, có 11 thủ tục hành chính thiết yếu do cơ quan Công an thực hiện, 6/14 thủ tục hành chính thiết yếu trên cổng dịch vụ công⁽³³⁾.

2.11. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Cơ quan chức năng đã tổ chức kiểm tra, thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 của 08/08 huyện, thành phố. Thực hiện việc rà soát, bổ sung, đánh giá các chỉ tiêu về thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Rà soát bổ sung các mô vật liệu xây dựng, các dự án đầu tư để bổ sung vào các phương án quy hoạch lĩnh vực tài nguyên và môi trường vào quy hoạch tỉnh. Ban hành 18 Quyết định liên quan đến lĩnh vực giao đất, cho thuê, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất. Tổ chức thanh, kiểm tra đối với các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh, qua đó đã xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện thu hồi đất của 10 doanh nghiệp và đơn vị với diện tích 231,8ha. Ban hành các Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể thuộc thẩm quyền.

Công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân:

- Đối với tổ chức: Tiếp nhận 159 hồ sơ (nhận trong 06 tháng là 119 hồ sơ, chuyển qua từ tháng trước 40 hồ sơ); Đã xử lý 84 hồ sơ; Đang xử lý 32 hồ sơ (đã chuyển thuế 07 hồ sơ), chuyển trả 43 hồ sơ.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân: Tiếp nhận 43.309 hồ sơ, trong đó: Đã xử lý 37.566 hồ sơ (trễ hạn: 453 hồ sơ); Đang xử lý 3.391 hồ sơ; Trả bộ phận một cửa: 1.772 hồ sơ.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đo đạc, lập bản đồ địa chính diện tích đất thu hồi của các nông lâm trường giao về cho địa phương quản lý. Kiểm tra, đôn đốc UBND cấp huyện, xã đẩy nhanh tiến độ đo đạc, cấp giấy chứng nhận

³¹ gồm: 19/19 Sở, ngành tập trung tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh; 08/08 UBND huyện, thành phố; 71/71 xã, phường, thị trấn; 352 các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc

³² Tính đến 15/3/2023

³³ Đăng ký khai sinh; Đăng ký khai tử; Đăng ký kết hôn; Liên thông đăng ký khai sinh đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm Y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe; cấp phiếu lý lịch tư pháp do các Sở, Ban, ngành, địa phương thực hiện

quyền sử dụng đất cho người dân. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường sớm hoàn thiện việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh⁽³⁴⁾.

Tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn liên quan lĩnh vực tài nguyên và môi trường, nhất là các vấn đề liên quan việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư⁽³⁵⁾; các vướng mắc liên quan đến đất san lấp vật liệu, chống lún của các dự án liên quan đến quy hoạch bóc xít, quy hoạch khoáng sản.

Triển khai nhiều giải pháp để tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường. Kịp thời nắm bắt, kiểm tra và xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường theo đơn phản ánh, kiến nghị của người dân, báo chí. Tuy nhiên, tình trạng khai thác khoáng sản nhỏ, lẻ và san lấp mặt bằng trái phép vẫn tiếp tục diễn ra trên địa bàn tỉnh; tình trạng ô nhiễm môi trường từ các bãi rác thải tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở chăn nuôi heo tập trung vẫn còn diễn ra, dẫn đến các khiếu nại, kiến nghị của người dân; việc xử lý vi phạm của các địa phương còn chậm và còn nhiều lúng túng.

3. Về phát triển văn hóa, xã hội:

3.1. Văn hóa: Hoạt động văn hóa văn nghệ, thông tin tuyên truyền được tổ chức với nhiều nội dung và hình thức phong phú, tạo không khí sôi nổi rộng khắp, kịp thời phục vụ các nhiệm vụ chính trị của đất nước, cũng như của địa phương⁽³⁶⁾. Thành lập Đoàn tham gia Ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam năm 2023; Hội thi tuyên truyền lưu động toàn quốc “Biển và Hải đảo Việt Nam”⁽³⁷⁾. Công tác quản lý và tổ chức lễ hội được chú trọng, mục tiêu gắn lễ hội với phát triển du lịch được thực hiện có hiệu quả, thống nhất từ cấp ủy Đảng đến chính quyền các cấp quan tâm và Nhân dân đồng tình hưởng ứng⁽³⁸⁾. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc bản địa trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm triển khai thực hiện tốt.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở, được các cấp, các ngành, các tầng lớp

³⁴ Hiện nay huyện Đăk R’lấp cơ bản đã hoàn thành

³⁵ Thường xuyên tổ chức họp để chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc kịp thời

³⁶ Đã thực hiện 3.760m² panô, 4230m băng rôn, 10.530 lá cờ các loại, 4000m cờ dây,... phục vụ các sự kiện chính trị của đất nước cũng như của địa phương, qua đó đã tổ chức 11 chương trình văn nghệ và chiếu phim lưu động phục vụ cơ sở, đặc biệt là phục vụ Nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân và 26 chương trình văn nghệ phục vụ các sở, ban, ngành địa phương tổ chức sự kiện chính trị. Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao mừng Đảng - mừng Xuân Quý Mão; tuyên truyền phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phòng, chống tội phạm; phòng, chống mua bán người; tuyên truyền biển, đảo; công tác quản lý biên giới đất liền; các hoạt động kỷ niệm 80 năm ra đời “Đề cương về văn hóa Việt Nam”; Kỷ niệm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5); Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2023)...

³⁷ Kết quả: đạt 01 HCV, 01 HCB với nội dung trưng bày và thuyết minh triển lãm ảnh, trang trí và Diễu hành xe tuyên truyền cổ động; đạt 01 HCV, 02 HCB đối với tiết mục múa

³⁸ Trên địa bàn toàn tỉnh đã tổ chức được 09 lễ hội, trong đó cấp huyện tổ chức 03 lễ hội, cấp xã tổ chức 06 lễ hội.

Nhân dân tích cực hưởng ứng và đã đạt được những kết quả quan trọng. Theo thống kê năm 2022, toàn tỉnh có: 45/71 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh đô thị, đạt tỷ lệ 63,38%; 133.452/151.479 gia đình được công nhận gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 88,09%; 673/713 thôn, bon, buôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 94,38%; 829/863 cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 96,06%.

3.2. Thể dục và thể thao: Phong trào thể dục thể thao tiếp tục được đẩy mạnh từ tỉnh đến cơ sở và đã có những bước phát triển sâu rộng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Tổ chức thành công Giải Việt dã tỉnh Đắk Nông lần thứ XVII năm 2023 và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023. Đăng cai tổ chức thành công giải Vô địch Dù lượn quốc gia lần thứ III năm 2023 tại huyện Đắk Glong. Thành lập Đoàn Vận động viên tham gia thi đấu giải Vô địch quốc gia các môn Điền kinh, Bắn cung, Judo khiếm thị, Quần vợt xe lăn người khuyết tật năm 2023³⁹. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Hội thao các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông lần thứ VIII và tham gia Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XIII, khu vực II năm 2023 tại tỉnh Gia Lai.

3.3. Giáo dục và đào tạo: UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành giáo dục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của ngành, thực hiện kế hoạch năm học 2022-2023 đúng tiến độ, kế hoạch đề ra, tạo chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Quy mô giáo dục phát triển ổn định, chất lượng đào tạo cũng từng bước được cải thiện, góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực có chất lượng cho địa phương và các tỉnh lân cận. Toàn tỉnh có 184.262 học sinh với 5.577 nhóm, lớp (tăng 5.644 học sinh, 82 nhóm, lớp so với cùng kỳ năm 2022), trong đó có 60.771 học sinh dân tộc thiểu số. Công tác chuyển đổi số trong ngành giáo dục được triển khai hiệu quả, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học phù hợp với tình hình thực tiễn. Triển khai công tác chuẩn bị tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2023-2024 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm, ngành giáo dục đã kiểm tra và công nhận mới 09 trường học đạt chuẩn quốc gia, bằng so với cùng kỳ và đạt 81,8% kế hoạch.

3.4. Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

a) Tình hình dịch COVID-19

Mặc dù trên phạm vi toàn cầu, tỷ lệ nhập viện, chuyển nặng và tử vong đã giảm đáng kể so với năm trước, tuy nhiên tình hình dịch bệnh COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, sự xuất hiện hàng loạt các biến chủng mới với khả năng lây tránh miễn dịch rất cao, nguy cơ dịch COVID-19 bùng phát trên địa bàn tỉnh là rất lớn. Các dịch bệnh truyền nhiễm khác, như: Sốt xuất huyết,

³⁹ kết quả đạt 02 HCV, 03HCB và 02 HCD

Tay chân miệng, Cúm cũng có nguy cơ gia tăng số mắc dẫn đến nguy cơ dịch chồng dịch. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch bệnh ở người về công tác phòng, chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh truyền nhiễm khác; thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch theo Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ và Kế hoạch phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2023⁽⁴⁰⁾. Triển khai quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh công tác tiêm chủng, giao chỉ tiêu tiêm chủng tới tận cấp xã; thực hiện “Đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng” để đảm bảo không bỏ sót đối tượng cần tiêm chủng, tăng tỷ lệ bao phủ vắc xin cho người dân. Tăng cường công tác truyền thông nâng cao cảnh giác, chủ động phòng chống dịch của người dân, tự theo dõi sức khỏe và thực hiện nghiêm 2K+⁽⁴¹⁾, tham gia tiêm vắc xin phòng COVID-19 đầy đủ. Qua đó, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát; trong 06 tháng đầu năm⁽⁴²⁾, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 491 ca nhiễm COVID-19, trong đó có 356 ca đã trị khỏi bệnh, 01 ca tử vong.

Công tác tiêm chủng vắc xin COVID-19: Tính đến ngày 24/5/2023, tổng số vắc xin thực nhận là 1.768.610 liều. Đến nay, đã triển khai tiêm mũi 3 cho đối tượng từ 18 tuổi trở lên đạt 91,11%; tiêm mũi 4 cho đối tượng suy giảm miễn dịch thể vừa đến nặng, người từ 18 tuổi trở lên, nhóm nguy cơ cao phơi nhiễm COVID-19 và các nhóm mở rộng đạt tỷ lệ 102,52%; tiêm mũi 3 cho đối tượng trẻ em từ 12-17 tuổi đạt 91,9%; tiêm mũi 1 cho đối tượng từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 99,49%, mũi 2 đạt 86,42%.

b) Tình hình khám, chữa bệnh:

Công tác khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn luôn được chú trọng và từng bước được cải thiện, hiệu quả hơn. Tổng số bệnh nhân đến khám chữa bệnh trong 6 tháng đầu năm là 364.247 lượt, trong đó: tuyến tỉnh và tuyến huyện là 282.167 lượt (tăng 36% so với cùng kỳ năm 2022), tuyến xã là 82.080 lượt; tổng số khám bảo hiểm y tế là 318.949 lượt, trong đó: tuyến tỉnh và tuyến huyện là 247.596 lượt (tăng 41% so với cùng kỳ năm 2022), tuyến xã là 71.353 lượt; tổng số lượt điều trị nội trú là 24.980 lượt. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 81,78% (*kế hoạch 92,75%*).

Trong 06 tháng đầu năm, xuất hiện một số ca bệnh truyền nhiễm⁽⁴³⁾, tuy số mắc có gia tăng nhưng nhìn chung tình hình kiểm soát dịch bệnh ổn định. Ngay

⁴⁰ ban hành tại Quyết định số 1331/QĐ-BYT ngày 10/3/2023 của Bộ Y tế

⁴¹ Khẩu trang, khử khuẩn, tiêm vaccine đầy đủ, đúng lịch, kết hợp "thuốc + điều trị + công nghệ + ý thức người dân

⁴² Cập nhật đến ngày 24/05/2023.

⁴³ 262 ca sốt xuất huyết (tăng 185 ca so với cùng kỳ năm trước), 233 ca viêm gan vi rút B (tăng 205 ca so với cùng kỳ năm trước), 303 ca thủy đậu (tăng 301 ca so với cùng kỳ năm trước)

khi xuất hiện các ca bệnh truyền nhiễm, ngành y tế đã thực hiện công tác giám sát dịch tễ, giám sát côn trùng, giám sát yếu tố nguy cơ nhằm phát hiện sớm các ca mắc, điều trị kịp thời. Phân tích, dự báo sự phát triển của dịch bệnh tại vùng có ổ dịch cũ và vùng xuất hiện ổ dịch nhỏ, để có biện pháp phòng, chống thích hợp. Xử lý triệt để các ổ dịch, xử lý môi trường kết hợp với các biện pháp tiêu diệt véc tơ truyền bệnh.

3.5. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, bên cạnh triển khai các chính sách của Trung ương, các cấp, các ngành đã ban hành và thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo riêng của tỉnh. Qua đó, đạt được nhiều kết quả khả quan, kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2021 – 2025) có 13.342 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 7,97%, giảm 3,22% so với năm 2021; Hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ có 3.892 hộ, chiếm tỷ lệ 24,56%, giảm 8,25% so với năm 2021. Ban hành Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với mục tiêu là giảm mạnh hộ nghèo, hạn chế tái nghèo; giảm khoảng cách tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giữa các vùng miền và các nhóm dân cư... với tinh thần "*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*".

Công tác an sinh xã hội, chế độ đối với người có công, gia đình chính sách được được chú trọng, thực hiện tốt, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng theo quy định, nhất là vào các dịp lễ, tết⁽⁴⁴⁾. Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới luôn được chú trọng. Tuy vậy, trong 06 tháng đầu năm, toàn tỉnh xảy ra 54 vụ tai nạn thương tích, làm 16 em tử vong, trong đó 08 vụ tai nạn đuối nước làm 14 em tử vong, tăng 07 em bị tử vong so với cùng kỳ năm 2022. Trong điều kiện an sinh xã hội của tỉnh còn hạn chế, thiếu điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em, địa bàn rộng, có nhiều ao hồ, sông, suối, cơ sở hạ tầng, đường sá không đảm bảo,... dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt là đuối nước trẻ em.

3.6. Đào tạo lao động và giải quyết việc làm

Số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm đạt 10.511 lượt người, đạt 57,75% so với kế hoạch năm, giảm 3,22% so với cùng kỳ năm 2022; Trong đó số lao động đi làm việc ở nước ngoài là 148 người, đạt 74% kế hoạch năm. Tổ chức đào tạo nghề nghiệp cho 437 người, đạt 10,92% kế hoạch⁽⁴⁵⁾. Nhìn chung, với thực trạng của tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc tại địa

⁴⁴ Hỗ trợ quà Tết cho hộ nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí thực hiện là 6.932.693.600 đồng; Hỗ trợ gạo cứu đói dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và dịp giáp hạt năm 2023 với 733.095kg gạo; Tổ chức thăm hỏi, tặng 2.081 suất quà, trị giá 586.246.000đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023...

⁴⁵ Trong đó: 08 người trình độ trung cấp, 429 người trình độ sơ cấp (chủ yếu là đào tạo lái xe ô tô theo hình thức xã hội hóa).

phương. Số lao động được tạo việc làm chủ yếu là đi làm việc ngoại tỉnh chiếm 70% tổng số lao động được tạo việc làm; số lao động đi làm việc ở nước ngoài còn thấp, chưa tương xứng với nguồn nhân lực dồi dào của tỉnh.

Từ nguồn hỗ trợ cho vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đã xét duyệt cho vay 52.866 triệu đồng với 1.397 dự án, hỗ trợ, tạo việc làm thêm cho 1.397 lao động. Qua đó, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành, các thành phần kinh tế từ ngành nông - lâm nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Tư vấn về chính sách pháp luật lao động, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động và tuyên truyền hỗ trợ định hướng nghề nghiệp cho 4.304 lượt người. Ban hành 939 Quyết định hưởng Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động với tổng số tiền 13.692.413.260 đồng.

3.7. Phát triển khoa học và công nghệ

Trong 6 tháng đầu năm, đã và đang triển khai thực hiện 35 nhiệm vụ khoa học và công nghệ⁽⁴⁶⁾. Việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) tập trung bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó hướng tới khai thác các thế mạnh của địa phương, đặc biệt vấn đề về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản là sản phẩm chủ lực của tỉnh. Hoạt động KH&CN cấp cơ sở tiếp tục được đẩy mạnh và triển khai có trọng tâm, trọng điểm; tập trung vào ứng dụng và nhân rộng các mô hình sản xuất tiêu biểu, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương⁽⁴⁷⁾.

Công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình. Cơ quan chức năng đã tổ chức 04 Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; tổ chức thẩm định kinh phí thực hiện 02 nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt; ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện 05 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.... Công tác quản lý nhà nước về công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân thực hiện đảm bảo theo quy định; công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng triển khai kịp thời; công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực được dư luận quan tâm, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh.

⁴⁶ Gồm 06 nhiệm vụ cấp Bộ (02 nhiệm vụ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia, 04 dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi) và 29 nhiệm vụ cấp tỉnh.

⁴⁷ Xây dựng mô hình tưới nhỏ giọt cho cây trồng và mô hình sử dụng chế phẩm vi sinh vật xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón hữu cơ tại huyện Đắk R'lấp; mô hình nuôi thương phẩm cá Chép V1 chuyên giòn trong ao tại huyện Đắk Song; mô hình sản xuất Nấm đông trùng hạ thảo, chăn nuôi Bò lai BBB sinh sản và mô hình nhân giống Dê lai Boer tại huyện Krông Nô...

3.8. Báo chí, phát thanh và truyền hình

Các cơ quan báo chí, phát thanh và truyền hình luôn chủ động bám sát các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và định hướng nội dung tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để tổ chức tuyên truyền có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là tuyên truyền các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch. Duy trì thường xuyên Bản tin Điểm báo hàng tuần; điểm tin, điểm báo hàng ngày phục vụ cung cấp thông tin báo chí phản ánh về diễn biến tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành đạt hiệu quả. Luôn chủ động bám sát định hướng tuyên truyền, định kỳ tổ chức họp báo cung cấp thông tin các vấn đề dư luận quan tâm.

Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương thường xuyên cập nhật các thông tin liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

Phát thanh, truyền hình, báo chí địa phương đã có sự đổi mới và áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất tin, bài. Đã xây dựng, đưa vào vận hành tòa soạn hội tụ, theo đó tích hợp các loại hình báo chí khác nhau như báo in, báo điện tử, truyền hình đều được quản lý trên một phần mềm duy nhất, bảo đảm khả năng liên thông chặt chẽ giữa các loại hình báo chí. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã khai thác khá hiệu quả Internet và mạng xã hội để nối dài cánh sóng, chuyển tải thông tin nhanh nhất đến khán, thính giả, độc giả. Xây dựng, quản lý và cập nhật kho nội dung các chương trình của Đài trên nền tảng Internet. Qua đó, đã thu hút khán thính giả theo dõi các chương trình của Đài qua các trang thông tin điện tử, youtube, facebook...

4. Về cải cách hành chính, tư pháp và nội chính

4.1. Công tác cải cách hành chính

Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Đăk Nông năm 2023 với chủ đề: “Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm, đạo đức công vụ trong thực thi nhiệm vụ gắn với xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số”; với 07 lĩnh vực và 55 hoạt động. Đến nay, toàn tỉnh đã triển khai 22/55 nhiệm vụ (đạt 42% kế hoạch đề ra).

Triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) trên địa bàn tỉnh năm 2023. Qua đó, đã thực hiện đơn giản hóa đối với 321 TTHC, công bố mới 13 TTHC, bãi bỏ và thay thế 66 TTHC. Việc giải quyết TTHC được phân cấp theo đúng thẩm quyền quản lý của các ngành, địa phương và thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận một cửa các cấp theo đúng quy định, đảm bảo kịp thời, hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức. Tỷ lệ giải quyết TTHC trước, đúng hạn luôn đạt tỷ lệ cao ở 3 cấp, đạt trên 95%. Triển khai áp dụng thí điểm sáng kiến CCHC “Ngày không viết”

và “Ngày không hẹn” đến Bộ phân một cửa thuộc 04 huyện, bước đầu đã nhận được sự quan tâm hưởng ứng nhiệt tình của người dân tại cơ sở.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số gắn với CCHC đã hình thành hệ thống dịch vụ công trực tuyến tích hợp hệ thống Một cửa điện tử, hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tích hợp chữ ký số, chứng thư số từ cấp tỉnh đến cấp xã, tạo thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền. Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các cấp đạt 91,3%. Toàn tỉnh có 3.474 chứng thư số, chữ ký số cấp cho các cơ quan, đơn vị, và cán bộ, công chức. Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đã tích hợp ứng dụng một cửa điện tử liên thông của tỉnh cung cấp 402 dịch vụ công mức độ 3 và 694 dịch vụ công mức độ 4; kết nối 526 TTHC của tỉnh lên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

4.2. Tổ chức bộ máy nhà nước

Điều động, bổ nhiệm lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị; Phân cấp, ủy quyền quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đắc Nông; sáp nhập Hạt kiểm lâm liên huyện; thành lập 03 tổ chức Phối hợp liên ngành, tổ chức lại 04 cơ quan, đơn vị, giải thể Hội đồng sáng kiến tỉnh Đắc Nông; kiện toàn 02 tổ chức phối hợp liên ngành. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2022 đối với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh.

4.3. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng

Trong 6 tháng đầu năm, các tổ chức thanh tra trên địa bàn tỉnh đã bám sát định hướng của Thanh tra Chính phủ, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thanh tra đảm bảo trọng tâm, trọng điểm; nỗ lực, triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo mục tiêu chung là vừa giúp ổn định tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh và đồng thời tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Công tác phòng, chống tham nhũng đã đạt được một số kết quả tích cực, các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống tham nhũng trên địa bàn toàn tỉnh được thực hiện đồng bộ. Ban hành kế hoạch triển khai đánh giá công tác phòng chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2022. Tổ chức bốc thăm, lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh tài sản, thu nhập; ban hành kế hoạch, triển khai thu thập thông tin phục vụ xác minh tài sản, thu nhập năm 2023, qua đó góp phần chấn chỉnh các hạn chế, nâng cao hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng tại các đơn vị được thanh tra.

Toàn ngành thực hiện 43 cuộc thanh tra hành chính, ban hành 18 kết luận thanh tra. Qua thanh tra phát hiện sai phạm về kinh tế với số tiền 37.305,47 triệu đồng, sai phạm về đất với tổng diện tích 43.368,8m², kiến nghị xử lý thu hồi nộp ngân sách Nhà nước số tiền 3.254,13 triệu đồng. Thực hiện 46 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân trên các lĩnh vực, ban hành

277 kết luận thanh tra, báo cáo kết quả kiểm tra, qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 138 tổ chức, cá nhân có sai phạm về kinh tế với số tiền 565,76 triệu đồng; sai phạm trong sử dụng đất đai với diện tích 59.974m² đất; kiến nghị thu hồi đất Nhà nước cho thuê tại 03 dự án với diện tích 59.974m².

4.4. Công tác tiếp dân, xử lý khiếu nại, tố cáo

Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh được quan tâm; người đứng đầu các sở, ngành, địa phương đã cơ bản thực hiện tốt các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; số vụ việc khiếu nại, tố cáo mới, phát sinh, nhất là số vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp giảm đáng kể; chất lượng giải quyết khiếu nại lần đầu từng bước được nâng lên, không để xảy ra các điểm nóng về an ninh trật tự. Các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp 726 lượt với 1.064 công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh⁽⁴⁸⁾, đã tiếp nhận và xử lý xong 1.275 đơn. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đã thụ lý giải quyết 19 vụ việc khiếu nại (17 vụ việc từ kỳ trước chuyển sang), đã giải quyết xong 14/19 vụ việc⁽⁴⁹⁾; thụ lý giải quyết 05 vụ tố cáo, đã giải quyết xong 03/05 vụ, các vụ tố cáo, khiếu nại còn lại đang tiếp tục được xem xét, giải quyết.

Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy nhanh tiến độ xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp còn tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh. Đến thời điểm hiện tại, có 14/18 vụ việc được xem xét, giải quyết xong, còn 04 vụ việc⁽⁵⁰⁾ đang tiếp tục được xem xét, giải quyết.

4.5. Công tác tư pháp

Công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh đã bám sát chức năng, nhiệm vụ, thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), cho ý kiến đối với các vấn đề pháp lý phức tạp ở địa phương tiếp tục được chú trọng; cơ quan chức năng đã thẩm định 29 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; góp ý, cho ý kiến đối với 100 dự thảo văn bản của Trung ương và địa phương, góp phần quan trọng vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, giữ gìn an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Công tác kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL được quan tâm, chú trọng; 100% văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định, không có văn bản QPPL phải xử lý qua công tác kiểm tra. Công tác theo dõi pháp luật được thực hiện chặt chẽ, bám sát các chương trình, kế hoạch

⁴⁸ Tiếp thường xuyên là 628 lượt với 769 người; tiếp định kỳ và đột xuất của thủ trưởng các cấp là 98 lượt với 295 người.

⁴⁹ 07 vụ việc khiếu nại sai, chiếm 53,8%; 04 số vụ việc khiếu nại có đúng có sai, chiếm 30,7%; 02 vụ việc khiếu nại đúng, chiếm 15,4%.

⁵⁰ (1) Kiến nghị của các hộ dân xã Đắk Plao liên quan đến lòng hồ thủy điện Đồng Nai 3, 4; (2) Vụ việc Công ty TNHH MTV Cà phê Đắk Nông và các hộ dân kiến nghị trả lại 775 ha đất tại Nông trường Đắk Ngo; (3) Vụ việc kiến nghị của Công ty TNHH ĐTTM Long Sơn; (4) Kiến nghị của các hộ dân liên quan đến Dự án Nhà máy Alumin Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp.

của Bộ Tư pháp. Công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp ở địa phương với các cơ quan, đơn vị có liên quan được thực hiện chủ động và hiệu quả hơn; tham gia có trách nhiệm đối với các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương. Công tác hành chính tư pháp phục vụ hiệu quả cho nhu cầu của người dân⁽⁵¹⁾; quản lý Nhà nước đối với các tổ chức hỗ trợ tư pháp được thực hiện chặt chẽ thông qua việc thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ.

4.6. Công tác dân tộc và tôn giáo

Thực hiện tốt các chương trình, chính sách dân tộc, tổ chức thăm hỏi, tặng quà Tết đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; tình hình chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường, củng cố, tuyệt đại đa số nhân dân các dân tộc tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước. Các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai thực hiện tốt; chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh được triển khai đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đúng đối tượng; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tình hình hoạt động của tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”, gắn bó đồng hành cùng dân tộc, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động từ thiện, nhân đạo...đóng góp tích cực vào sự ổn định tình hình chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh kết quả đã đạt được, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số vấn đề cần quan tâm, như: Các hoạt động phát hành vé số quay thưởng; việc mua bán, sang nhượng đất, xây dựng cơ sở thờ tự, dựng tượng tự tập tín đồ sinh hoạt tôn giáo trái pháp luật còn diễn ra ở một số địa phương, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

5. Về đảm bảo an ninh, quốc phòng và công tác đối ngoại

5.1. Về đảm bảo quốc phòng, biên giới, nâng cao năng lực quốc phòng: Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là khu vực biên giới. Tổ chức lực lượng phối hợp tuần tra, chốt chặn chống vượt biên, xâm nhập và làm

⁵¹ Tính đến hết ngày 18/5/2022, đã thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho 2.261 trường hợp; phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp 74 trường hợp; thông báo giải quyết yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp gửi Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông và công dân (58 trường hợp). Cung cấp cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia 357 thông tin lý lịch tư pháp và 12 thông tin lý lịch tư pháp đính chính, bổ sung (bản điện tử)...

tốt công tác phòng chống dịch khu vực biên giới. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; tổ chức lực lượng nắm chắc tình hình ngoại biên, biên giới, nội địa. Ban hành Chỉ thị về nhiệm vụ Quốc phòng, an ninh năm 2023; Chỉ thị diễn tập khu vực phòng thủ kết hợp phòng thủ dân sự cho 03 huyện: Đắk Song, Đắk Glong, Đắk R'lấp và theo dõi, chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ kết hợp phòng thủ dân sự cho huyện Đắk Song, 03/27 cuộc diễn tập cấp xã theo kế hoạch. Tổ chức Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong 6 tháng đầu năm, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã đồng loạt tổ chức Lễ giao nhận quân năm 2023, tiễn hơn 1000 thanh niên lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Lễ giao nhận quân tại các huyện, thành phố diễn ra trong không khí trang trọng, chu đáo, bảo đảm an toàn tuyệt đối.

5.2. Về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông:

Ngành Công an đã mở đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão 2023; đồng thời triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp công tác phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm. Do đó, tội phạm về trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh được kiểm chế và kéo giảm 9,92% (14 vụ) so với cùng kỳ năm 2022. Từ đầu năm đến nay, xảy ra 127 vụ, làm chết 04 người, bị thương 30 người, thiệt hại giá trị tài sản khoảng 5,6 tỷ đồng.

Triển khai quyết liệt các biện pháp bảo vệ trật tự, an toàn giao thông, nhất là trong các dịp lễ, Tết nguyên đán. Do đó tai nạn giao thông được kiểm chế, làm giảm cả 3 tiêu chí; xảy ra 12 vụ, làm chết 04 người, bị thương 07 người (giảm 10 vụ, 13 người chết và 06 người bị thương so với cùng kỳ năm 2022). Tổ chức 29 đợt, chiếu 51 lượt phim tuyên truyền Luật Giao thông đường bộ; ra mắt mô hình “Cổng trường an toàn giao thông” tại các trường học trên địa bàn tỉnh.

Tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh tiếp tục diễn biến phức tạp, tình trạng trồng trái phép cây chứa chất ma túy có chiều hướng gia tăng và quy mô hơn; đã phát hiện, bắt 72 vụ, 137 đối tượng vận chuyển, tàng trữ, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và trồng trái phép cây có chứa chất ma túy⁵².

Tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, xây dựng 304 phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Thành lập 120 tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy; vận động 8.245 người dân cài đặt, sử dụng app báo cháy 114. Kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy tại 1.698 tổ chức, cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh, lập biên bản xử lý vi phạm hành chính 12 cơ sở vi phạm, phạt 22,9 triệu đồng.

⁵² Thu giữ 1,772kg heroin; 841,7676g ma túy tổng hợp; 841,3g cần sa khô; 3.990 cây cần sa và thuốc phiện.

5.3. Về công tác đối ngoại

UBND tỉnh Đắk Nông và chính quyền tỉnh Mondulhiri, Vương quốc Campuchia đã tổ chức thành công Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện thỏa thuận hợp tác và phát triển kinh tế - xã hội giữa hai tỉnh giai đoạn 2016-2021 và ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển giai đoạn 2022-2025. Qua đó, khẳng định trong thời gian qua hai tỉnh đã triển khai nhiều chương trình hợp tác hiệu quả để khai thác thế mạnh của mỗi tỉnh trong các lĩnh vực nông nghiệp, phát triển du lịch... Bên cạnh đó, hai bên có nhiều bước phát triển mới trong hợp tác phát triển khu vực biên giới, tăng cường công tác quản lý biên giới vừa ngăn chặn các loại tội phạm, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân qua lại giao thương....

Các lực lượng thường xuyên phối hợp với các lực lượng chức năng của tỉnh Mondulhiri, Vương quốc Campuchia trong công tác ngăn chặn xuất nhập cảnh trái phép, phòng chống dịch.

Xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, nhằm tạo cầu nối để doanh nghiệp hai bên liên kết, thúc đẩy hợp tác công - tư trên nguyên tắc cùng có lợi và đóng góp vào sự phát triển chung của các bên...

6. Về triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

6.1. Về xây dựng và triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, ngày 12/4/2022 UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Chương trình số 1765/CTr-UBND về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội các năm 2022, 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ, phục hồi và phát triển thị trường lao động và an sinh xã hội phù hợp với tổng thể Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo, quán triệt các cấp, các ngành, địa phương về tầm quan trọng và ý nghĩa của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động triển khai các chính sách đã được ban hành của Chương trình, bảo đảm rõ về trình tự, thủ tục, đối tượng hỗ trợ; đẩy nhanh việc giải ngân các chính sách, đặc biệt là các chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách hỗ trợ 2% lãi suất đối với các khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối

tượng, tránh trục lợi chính sách; nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình để sớm thực hiện dự án đảm bảo tiến độ đề ra trong năm 2023.

6.2. Về tình hình triển khai các dự án đầu tư thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 450/TTg-KTTH ngày 20/5/2022, Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 về danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Đắk Nông đã thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, với tổng mức đầu tư các dự án là 262.000 triệu đồng, theo đúng mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo theo các mục tiêu đặt ra của chương trình, dự kiến thời gian thực hiện năm 2022-2023.

UBND tỉnh đã giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 đối với danh mục, nhiệm vụ, dự án thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội⁽⁵³⁾ với số tiền 254.879 triệu đồng. Cụ thể: Dự án Đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông: 70.000 triệu đồng; Dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Thôn 2, Đắk Ngo, Hồ Số 2, Hồ Số 3, Thôn 2, Ea T'Ling, Thôn 3B): 52.879 triệu đồng; Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Nông: 30.000 triệu đồng; Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông: 86.550 triệu đồng; Đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông: 15.450 triệu đồng.

Tình hình thực hiện các dự án: có 04 dự án thực hiện lập hồ sơ thiết kế, BVTC-DT⁽⁵⁴⁾; 01 dự án đang thi công⁽⁵⁵⁾. Các dự án sử dụng nguồn vốn phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã giải ngân (đến ngày 17/5/2023): 15,299 tỷ đồng/262 tỷ đồng, đạt 5,84%.

*** ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

Trong 6 tháng đầu năm, các cấp, các ngành đã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chương trình, kế hoạch, nghị quyết phiên họp thường kỳ hàng tháng của Chính phủ, của Tỉnh ủy về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh đã trở lại trạng thái bình thường. Vì vậy, các lĩnh vực cơ bản vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng ổn định, thị trường hàng hóa được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa,

⁵³ tại Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 15/12/2022, Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 30/12/2022, Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 03/4/2023

⁵⁴ Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Nông; Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông; Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông ; Dự án Đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông

⁵⁵ Dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Thôn 2, Đắk Ngo, Hồ Số 2, Hồ Số 3, Thôn 2, Ea T'Ling, Thôn 3B)

tiêu dùng và sử dụng các dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch tăng cao; hoạt động xúc tiến thương mại bước đầu đã hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức sôi nổi; công tác an sinh xã hội và đời sống Nhân dân được đảm bảo; quản lý tài nguyên, môi trường từng bước được siết chặt; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh vẫn còn gặp tình trạng giá cả không ổn định, phụ thuộc lớn vào thị trường xuất khẩu, nhất là Trung Quốc; giá vật tư nông nghiệp, đặc biệt là phân bón duy trì ở mức cao đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế, làm giảm thu nhập của người nông dân. Tình hình thời tiết diễn biến thất thường, không theo quy luật gây ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng giảm đôi với một số cây trồng.

- Giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp còn thấp; tình hình sản xuất của một số doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về vốn, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

- Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước còn chậm. Tiến độ triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách trong việc thực hiện. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư và hoàn thiện hồ sơ pháp lý, xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan vẫn còn nhiều vướng mắc.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có nhiều dự án, công trình xây dựng có nhu cầu sử dụng nguyên liệu đất san lấp, quy hoạch khoáng sản là đất san lấp đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch quốc gia thẩm định, nhưng chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trên địa bàn tỉnh chưa có mỏ đất được cấp phép; các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông đang chậm tiến độ so với kế hoạch, nhiều công trình có nguy cơ phải điều chuyển vốn do vướng mắc liên quan đến vật liệu đất san lấp, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tình hình triển khai xây dựng một số dự án (dự án điện gió, điện mặt trời, dự án điện phân nhôm) còn gặp khó khăn, chậm tiến độ do còn vướng các cơ chế, chính sách.

- Số lượng công trình cấp nước sạch ngưng hoạt động trên địa bàn tỉnh chiếm tỷ lệ cao, chưa được bố trí kinh phí sửa chữa; tình trạng thiên tai cực đoan (gió lốc), đuối nước ở trẻ em xảy ra tại một số huyện trên địa bàn tỉnh.

- Một số nhiệm vụ còn triển khai chậm trễ, nhất là các nhiệm vụ liên quan vấn đề quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; các chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất; thu hồi đất sau kết luận thanh, kiểm tra; giải quyết

vướng mắc tại các khu đất được giao quản lý để đấu giá quyền sử dụng đất; các nhiệm vụ liên quan đến các Hội đồng giải thể các công ty nông lâm trường.

- Tình trạng vi phạm trong quản lý và bảo vệ rừng vẫn xảy ra tại một số địa phương.

- Các nguồn ô nhiễm từ nước thải, chất thải rắn, khí thải ô nhiễm chưa được kiểm soát chặt chẽ. Tình trạng khai thác khoáng sản nhỏ, lẻ và san lấp mặt bằng trái phép vẫn tiếp tục diễn ra trên địa bàn tỉnh, việc xử lý vi phạm còn chậm và còn nhiều lúng túng.

- Đội ngũ giáo viên các cấp tuy được quan tâm bổ sung, song vẫn còn thiếu nhiều so với định mức quy định, đặc biệt là giáo viên mầm non và giáo viên tiểu học.

- Việc triển khai thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại các đơn vị được kiểm toán chưa được xử lý dứt điểm dẫn đến kéo dài qua nhiều năm. Nguyên nhân chủ yếu do một số dự án có số dư tạm ứng lớn và kéo dài qua nhiều năm nhưng đến nay các chủ đầu tư vẫn chưa thu hồi được; một số đơn vị còn chậm trễ trong việc cung cấp chứng từ chứng minh kết quả thực hiện.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Dự báo trong thời gian tới, tình hình chính trị, kinh tế trên thế giới, khu vực cũng như trong nước sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức. Giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh tuy có chuyển biến tích cực nhưng không ổn định, thị trường tiêu thụ không ổn định; một số dự án đầu tư trọng điểm dự kiến có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn đang vướng mắc trong việc đầu tư xây dựng dự án; biến đổi khí hậu đến nhanh và mạnh hơn so với dự báo, thiên tai ngày càng khắc nghiệt, mức độ ảnh hưởng lớn... sẽ tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đời sống Nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì vậy, thời gian tới tình hình phát triển kinh tế của tỉnh sẽ gặp nhiều khó khăn và thách thức; một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội dự báo có khả năng không đạt kế hoạch đề ra.

Nhằm kế thừa, phát huy các kết quả đạt được, vượt qua khó khăn, thách thức, quyết tâm phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh, tạo tiền đề thuận lợi phát triển những năm tiếp theo; UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đề ra tại các Nghị quyết, Chương trình, kế hoạch của Chính phủ, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh giao và các nội dung định hướng tại Nghị quyết Phiên họp của Chính phủ thường kỳ hàng tháng. Tập trung chỉ đạo triển khai nghiêm túc công tác xây dựng nội dung trình tại kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026 theo chỉ đạo của HĐND và UBND tỉnh tại Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/2/2023.

- Tập trung tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đề ra tại Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 02/02/2023 về việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ; Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 12/12/2022 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ năm 2023 và Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Chương trình số 1765/CTr-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội các năm 2022, 2023 trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ, duy trì ổn định sản xuất, kinh doanh

2.1. Các lĩnh vực sản xuất

a) Về công nghiệp:

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ liên quan trực tiếp đến phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tích cực hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đổi mới công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, phát triển sản xuất thông minh... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng liên kết, hội nhập và phát triển; tiếp tục đề xuất và triển khai các chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp và đời sống người lao động.

Bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương; chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và yêu cầu thực tiễn để tập trung đẩy mạnh triển khai các dự án đầu tư: Nhà máy Alumin Nhân Cơ, Nhà máy điện phân nhôm, các dự án năng lượng tái tạo, các dự án phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Chú trọng theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp để kịp thời tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

Tập trung tháo gỡ các khó khăn để đầu tư xây dựng và sớm hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Nhân cơ, đáp ứng tiến độ xây dựng Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông sớm đi vào hoạt động. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp.

Xây dựng Chương trình hành động của Ban thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 31-KL/TW ngày 07/3/2022 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển công nghiệp bô xít – alumin – nhôm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

b) Về nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản gắn với chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn mới; hướng đến nền nông nghiệp xanh, sạch, thông minh, trách nhiệm, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chú trọng bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái, sản phẩm chủ lực. Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, VietGap, chú trọng xây dựng nhãn hiệu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm nông nghiệp, phát triển các điểm giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 6648/CTr-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với thị trường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các đề án về phát triển rừng tự nhiên, nâng cao độ che phủ rừng, gắn trách nhiệm của lực lượng Kiểm lâm với chủ rừng, nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm,.. Tăng cường công tác kiểm tra, tuần tra, chốt chặn tại các “điểm nóng” nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; có giải pháp quản lý, thu hồi diện tích đất lấn chiếm, phá rừng trái pháp luật. Đôn đốc các đơn vị chủ rừng khẩn trương hoàn thành Phương án quản lý rừng bền vững; đôn đốc các địa phương hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng năm 2023.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc tại cơ sở; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực huy động, thực hiện xã hội hoá các nguồn lực, thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, nguồn lực trong Nhân dân để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Theo dõi tình hình diễn biến nguồn nước trên các sông suối hồ đập và lịch trình nông vụ tại các địa phương; xây dựng các kế hoạch ứng phó cụ thể để triển khai thực hiện, giảm thiểu thiệt hại do hạn hán, thiếu nước tưới nhằm ổn định

sản xuất và thu nhập người dân. Xây dựng phương án tưới, quản lý điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất.

2.2. Các lĩnh vực thương mại - dịch vụ và du lịch

a) *Về du lịch*: Khảo sát các địa điểm kết nối, xây dựng các tuyến du lịch mới gắn với các sản phẩm OCOP và các nông sản, thủ công mỹ nghệ để hình thành sản phẩm lưu niệm, quà tặng du lịch. Tập trung thu hút đầu tư các khu, điểm du lịch trọng điểm để khai thác hiệu quả những tiềm năng, lợi thế về khí hậu, địa hình tự nhiên, các giá trị văn hóa - đặc trưng sinh thái bản địa gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

b) Về thương mại:

Triển khai thực hiện Đề án thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa có lợi thế phát triển của miền núi, vùng sâu, vùng xa thông qua hệ thống phân phối trên thị trường; Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch xuất khẩu hàng chủ lực tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Đắk Nông năm 2023; kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh và chất lượng cao vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước năm 2023.

Thường xuyên nắm tình hình cung cầu và giá cả hàng hóa trên địa bàn tỉnh, nhất là các mặt hàng thiết yếu, phục vụ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của người dân để triển khai các giải pháp điều tiết khi cần thiết nhằm đảm bảo nguồn hàng hóa đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh.

c) *Về giao thông, vận tải*: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước). Tiếp tục tổ chức kiểm tra, kiểm soát tải trọng xử lý các trường hợp xe quá tải trên Quốc lộ được ủy thác quản lý và các tuyến Tỉnh lộ; kiểm tra, xử lý trật tự vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải; tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe.

d) *Về thông tin truyền thông*: Đẩy mạnh triển khai Đề án Chuyển đổi số và kế hoạch triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển đổi số năm 2023 theo Kế hoạch đề ra tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 với định hướng xuyên suốt là "Chính quyền quyết định, điều hành kịp thời dựa trên dữ liệu số". Duy trì hoạt động Nền tảng DAKNONG IOC phát huy hiệu quả, phục vụ đắc lực cho lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của UBND tỉnh; Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (LGSP) để thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh; Phát triển Nền tảng điện toán đám mây tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Xây dựng nền tảng Công dữ liệu mở Đắk Nông (Dak Nong Data), trên cơ sở đầu tư bổ sung cơ

sở dữ liệu quan trọng. Đầu tư Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh, triển khai đến cơ sở phục vụ truyền thông thông minh.

đ) Về hoạt động ngân hàng: Tiếp tục chỉ đạo các TCTD trên địa bàn, triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thiên tai để phục hồi sản xuất kinh doanh; Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động của TCTD. Giám sát chặt chẽ chất lượng tín dụng, việc cấp tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, việc thực hiện các quy định về cơ cấu lại nợ, các cam kết miễn, giảm lãi, phí...để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

3. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch tỉnh

Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, hoàn thành các dự án đầu tư công và thực hiện đồng bộ các giải pháp để giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 gắn với việc làm rõ trách nhiệm người đứng đầu trong việc bảo đảm tiến độ và chất lượng công trình. Xác định nhiệm vụ thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ các dự án, công trình và tiến độ thực hiện, nhất là những công trình trọng điểm theo Công văn số 7315/UBND-KT ngày 15/12/2022. Tập trung giải ngân, thanh toán vốn các dự án quyết toán hoàn thành, dự án có vốn được phép kéo dài sang năm 2023. Chủ động có kế hoạch và giải pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thi công; thanh toán vốn cho dự án ngay khi có khối lượng nghiệm thu theo quy định.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu hoàn thành bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra. Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư và triển khai công tác đấu thầu, thi công công trình, dự án đảm bảo tiến độ giải ngân nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã được giao năm 2023.

Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đắc Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo kết luận Hội nghị thẩm định ngày 05/4/2023 để xin ý kiến Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và trình Chính phủ phê duyệt.

4. Đẩy mạnh quản lý công tác thu, chi và điều hành có hiệu quả ngân sách nhà nước

Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp quản lý thuế, thu hồi nợ thuế, chống thất thu ngân sách; đặc biệt là trong một số lĩnh vực nhạy cảm, có rủi ro cao về thuế như: khai thác khoáng sản; kinh doanh, chuyển nhượng bất động

sản; môi trường; hộ kinh doanh cá thể bán lẻ thực phẩm, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, kinh doanh vàng bạc, đồ trang sức, mỹ phẩm, vật tư y tế,...

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thuế. Thực hiện nghiêm túc nội dung của Đề án "Tăng cường công tác chống thất thu ngân sách giai đoạn 2023 -2025".

Các sở, ngành được giao nhiệm vụ thu tiền sử dụng đất đã được UBND tỉnh giao chi tiết tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 đẩy nhanh tiến độ thực hiện; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc nếu có để có biện pháp khắc phục sớm, phấn đấu hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất năm 2023.

Các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra, truy thu tiền sử dụng đất sai mục đích, vượt hạn mức đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Đồng thời, phối hợp với chủ đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án, hoàn tất cơ sở hạ tầng, tổ chức giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án tạo quỹ đất, đặc biệt là các dự án tạo quỹ đất trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa do tỉnh đầu tư, quản lý. Phối hợp với cơ quan thuế các cấp khẩn trương truy thu tiền sử dụng đất của các đối tượng đã được giao đất nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước

Tăng cường quản lý chi ngân sách nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả trong phạm vi dự toán được duyệt, phù hợp với tiến độ thu ngân sách. Rà soát, sắp xếp và phân loại các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ cấp bách như khắc phục hỗ trợ thiên tai, dịch bệnh... Tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị dự toán, chủ tài khoản và chính quyền các cấp trong việc sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện có hiệu quả chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng và công khai minh bạch tài chính - ngân sách.

5. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để đẩy mạnh thu hút đầu tư

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương và của tỉnh về công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2023. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, ổn định thị trường; thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; rà soát, nghiên cứu, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh, chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đất đai, môi trường... tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn, đất đai, hạ tầng, nhân lực, tiết giảm chi phí cho sản xuất kinh doanh.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tăng cường gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức, ở nhiều cấp độ (chung của tỉnh, theo lĩnh vực từng sở, từng ngành, theo địa bàn của huyện, theo nhóm doanh nghiệp...) để kịp thời tiếp nhận, xem xét, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh, nhất là trong việc giải phóng mặt bằng, giải quyết các thủ tục đầu tư, đất đai, lao động, xây dựng, tiếp cận tín dụng...

6. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội; tăng cường các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm đời sống Nhân dân

6.1. Về văn hóa - thể thao: Tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy hiệu quả của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ nghiêm các quy định về phòng chống dịch bệnh. Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe cộng đồng. Chuẩn bị các điều kiện tốt nhất đăng cai tổ chức Đăng cai Giải Bóng chuyền Vô địch Quốc gia năm 2023; Tổ chức Hội thao các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông lần thứ VIII. Xây dựng hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể Lễ hội Rào bon trồng cây gòn (Tăm Plang Prang bon) của dân tộc M'Nông, huyện Krông Nô trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; đồng thời, khai quật 01 di chỉ khảo cổ học tại xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp (20m²). Đăng cai tổ chức Triển lãm tranh cổ động tranh cổ động tầm lớn với nội dung "Tuyên truyền về các giá trị văn hoá, con người Việt Nam nhằm mục tiêu phát triển bền vững đất nước". Triển khai hiệu quả, thiết thực phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết phục vụ công tác tái thẩm định Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

6.2. Về giáo dục: Tiếp tục triển khai kế hoạch tổ chức học tập cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; lãnh đạo, chỉ đạo toàn ngành triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện có hiệu quả đạt các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, Phổ cập trung học cơ sở và Xóa mù chữ. Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Chuẩn bị tốt các điều kiện cho kỳ thi THPT năm 2023. Tăng cường công tác kiểm tra, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

6.3. Về y tế: Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Thực hiện tốt kế hoạch tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh COVID-19 và các dịch bệnh truyền nhiễm khác ở người. Tập trung nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, tiếp tục phát triển mạng lưới y tế, nhất là y tế tuyến cơ

sở, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Hoàn thiện Phương án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

6.4. Về lao động, việc làm: Tăng cường hiệu quả công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường kiểm tra, giám sát điều kiện lao động, an toàn, bảo hộ lao động; nắm bắt và giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động. Quản lý chặt chẽ lao động nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh năm 2023. Tổ chức “Ngày Hội hội tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp” tỉnh Đắk Nông năm 2023. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023; xây dựng đơn giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng.

6.5. Giảm nghèo, an sinh xã hội:

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ về công tác an sinh và phúc lợi xã hội trên toàn tỉnh. Tăng cường triển khai các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc, thăm hỏi các gia đình cách mạng, người có công, người nghèo, các đối tượng chính sách; thực hiện các chính sách hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng do dịch COVID-19.

Tiếp tục thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo theo hướng bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo, trong đó chú trọng các giải pháp khuyến khích người nghèo vươn lên tự thoát nghèo, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Thường xuyên kiểm tra thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc, tôn giáo tại cấp cơ sở.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, hạn chế tác động của biến đổi khí hậu

Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất sau thanh tra, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất, tạo quỹ đất sạch. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về đất đai; rà soát văn bản pháp luật có liên quan để tham mưu, sửa đổi, bổ sung đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Xây dựng Danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2023 và Danh mục bổ sung các dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Theo dõi chặt chẽ tình hình khai thác và sử dụng tài nguyên, khoáng sản đặc biệt những vấn đề nổi cộm. Ngăn chặn việc khai thác trái phép, lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tăng cường xử lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải độc hại và chất thải y tế. Tổ chức thanh tra, kiểm tra tình hình sử dụng đất tại các đơn vị được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án nông lâm nghiệp trên địa bàn. Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh.

8. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, tập trung công tác xây dựng chính quyền, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo

Thực hiện hiệu quả cải cách công vụ; thắt chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ công chức. Tiếp tục đôn đốc, giám sát, đánh giá kết quả việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc của các bộ, ngành, địa phương; triển khai đầy đủ, đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra để phát hiện, phòng ngừa, xử lý kịp thời tình trạng “tham nhũng vặt”.

Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ triển khai công tác cải cách hành chính. Kiểm tra, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng Quy định đánh giá, xác định Chỉ số CCHC của các cấp trên địa bàn tỉnh; triển khai điều tra xã hội học và xác định Chỉ số CCHC các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, chính sách, sự lãnh đạo và quản lý điều hành của Đảng, nhà nước. Tăng cường triển khai ứng dụng khoa học công nghệ vào thông tin truyền thông và các hoạt động cơ quan nhà nước, thúc đẩy hiệu quả quản lý điều hành của cơ quan nhà nước, tin học hóa hồ sơ công việc.

Nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra; tăng cường công tác quản lý nhà nước về thanh tra; tập trung thanh tra vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng. Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo các tổ chức thanh tra trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác nắm bắt tình hình khiếu nại, tố cáo để kịp thời tham mưu xử lý những vụ việc mới phát sinh, không để trở thành điểm nóng. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ các cuộc thanh tra theo kế hoạch, đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Tập trung nắm tình hình ngay từ cơ sở để giải quyết những bức xúc trong Nhân dân; nhất là tình trạng khiếu kiện kéo dài, tranh chấp đất đai, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các điểm nóng trên địa bàn, giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định; thông báo, công khai trên cổng thông tin điện tử lịch tiếp công dân, kết quả tiếp công dân, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cơ sở.

9. Tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội và đối ngoại

Nắm chắc diễn biến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, kịp thời xử lý các tình huống xảy ra. Triển khai bảo đảm thể trận an ninh Nhân dân, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và khu vực biên giới.

Đẩy mạnh công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; kiên quyết triệt phá các băng nhóm tội phạm, các tệ nạn xã hội, đặc biệt tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp để đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu cả 3 tiêu chí về an toàn giao thông.

Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế, nhất là với tỉnh Mondulakiri, Vương quốc Campuchia. Triển khai có hiệu quả thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Đắk Nông và tỉnh Mondulakiri, Campuchia giai đoạn 2022-2025 trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, văn hóa - xã hội...

Thực hiện tốt các thỏa thuận, kế hoạch hợp tác giữa tỉnh với các địa phương trong vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục phối hợp với tỉnh Lâm Đồng chuẩn bị Hội nghị tổng kết Thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020 và Lễ Ký kết Chương trình hợp tác trong giai đoạn tới.

Trên đây là Báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 6 tháng đầu và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Chiến

Phụ lục I
CẬP NHẬT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM
(Kèm theo Báo cáo số 368 /BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Năm 2022		Ghi chú
				Kế hoạch	Cập nhật đến 31/12/2022	
A	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ					
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (Giá SS2010)	Tỷ đồng	20.727	22.281	22.400,31	Vượt KH
	<i>Trong đó:</i>					
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	7.918,0	8.280,81	8.413,93	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	4.095,5	4.603,1	4.430,84	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	7.777,6	8.397,8	8.612,74	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	935,6	999,5	942,79	
	Tốc độ tăng trưởng	%	108,63	107,50	107,59	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	104,45	104,58	105,21	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	135,91	112,39	107,87	
	- Dịch vụ	%	101,93	107,97	110,40	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	109,38	106,83	103,16	
2	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	34.670,7	35.789	39.970,02	Vượt KH
	<i>Trong đó:</i>					
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	13.193,4	13.317,3	15.045,09	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	6.487,9	6.771,5	7.836,42	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	13.394,2	14.022,1	15.407,66	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	1.543,1	1.678,0	1.680,85	
GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	52,10	52,90	59,61		
3	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)		100	100	100	Vượt KH
	<i>Trong đó:</i>					
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	38,11	37,21	37,64	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	18,74	18,92	19,61	
	- Dịch vụ	%	38,69	39,18	38,55	
- Thuế trừ trợ cấp SP	%	4,46	4,69	4,21		
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:					Đạt KH
	Tổng số vốn	Tỷ đồng	16.840	19.220	19.280	
5	Thu - Chi ngân sách:					Vượt KH
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	3.517	Trên 3.000	3.469	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	7.064	7.834,816	9.316	Vượt KH
	Kết cấu - Hạ tầng					Đạt KH
	<i>Giao thông:</i>					
	Tỷ lệ nhựa hóa chung	%	66	68	68	
	<i>Đô thị, nhà ở</i>					
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	28	28	28	
	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	100	100	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Năm 2022		Ghi chú
				Kế hoạch	Cập nhật đến 31/12/2022	
6	Bình quân m2 sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân	m2	24	25	25	Đạt KH
	Tỉ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	100	100	Đạt KH
	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà	81	13	13	Đạt KH
	Cấp điện:					
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,1	99,2	99,2	Đạt KH
	Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	100	100	100	
	Nông nghiệp, thủy lợi:					
	Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới	%	81	82	82	Đạt KH
Tỉ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91	92	92		
7	Thương mại, dịch vụ, XNK (theo dõi):					
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	15.579,5	17.200	18.530,5	Vượt KH
	Doanh thu du lịch tăng bình quân hằng năm	%	Giảm 15,1% so với cùng kỳ	Tăng 2%	Tăng 2%	Đạt KH
	Số khách du lịch tăng bình quân hàng năm	%	Giảm 44,1% so với cùng kỳ	Tăng 2%	Tăng 2%	
	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	971	1.170	1.005	Không đạt KH
	Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	512,6	330	330	Đạt KH
8	Nông nghiệp (theo dõi):					
	Giá trị sản xuất bình quân trên/01 ha đất nông nghiệp	Triệu đồng	90	90	90	Đạt KH
	Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC)	Ha	2.280 (Lũy kế là 24.00 ha)	2.280 (Lũy kế là 24.00 ha)	2.423,17	Vượt KH
9	Công nghiệp (theo dõi):					
	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP	%	13,37	8	8	Đạt KH
10	Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, TTHC (theo dõi):					Đạt KH
	Chỉ số PCI	Thứ hạng	52/63	Tăng 1-2 bậc	38/63	Vượt KH
	Chỉ số PAPI	Thứ hạng	Nhóm thấp nhất	43/63	Nhóm Thấp	Không đạt KH
	Chỉ số PAR Index	Thứ hạng	41/63	48/63	37/63	Vượt KH
B	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG					
11	Lao động và việc làm:					
	Số lao động được tạo việc làm	Người	18.171	18.000	20.914	Vượt KH
	Đào tạo nghề	Người	4.900	4.000	5.776	Vượt KH
	Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	13,20	11,2	11,72	Vượt KH
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	47,5	50	50	Đạt KH



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Năm 2022		Ghi chú
				Kế hoạch	Cập nhật đến 31/12/2022	
12	Giảm nghèo:					
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	11,9	Giảm từ 3% trở lên	Giảm từ 3,22%	Vượt KH
	Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	32,81	Giảm từ 5% trở lên	Giảm từ 8,25%	
13	Dân số					Đạt KH
	Dân số trung bình	Người	664.416	676,510	670.558	
	Phân đầu đạt mức sinh (số con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	Số con/phụ nữ	2,56	2,50	2,56	
14	Y tế:					Đạt KH
	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	19,4	19,8	19,8	
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	8,1	8,3	8,5	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	91	92	92	
	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	30,4	29,9	27	
	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm của trẻ em dưới 5 tuổi	%			5,4	
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	93,2	>95	90	
15	Giáo dục:					Vượt KH
	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Trường	12	10	14	
16	Văn hóa:					Đạt KH
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị	%	60,56	53	63,38	
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	86,87	85,5	88,09	
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	89,9	85,5	94,38	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	95,92	93	96,06	
17	Môi trường:					Đạt và vượt KH
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	38,15	38,50	38,5	
	Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	1.390,82	1.659,5	2.039,6	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường	%	73	75	75	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế, độc hại	%	80	82	82	
18	Nông thôn mới:					Không đạt KH
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	Tăng thêm 6 xã (lũy kế 35 xã)	Tăng thêm 3 xã	Tăng thêm 1 xã (Lũy kế 36 xã)	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	16,42	16,5	16,58	
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	1 xã	2	1	

Phụ lục II

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 368 /BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng 2022	NĂM 2023		GHI CHÚ
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	
A	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ					
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (Giá SS2010)	Tỷ đồng	8.732,01	24.081	9.188,58	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	2.239,67	8.793	2.356,02	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	2.032,17	5.002	2.112,73	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	4.070,85	9.302	4.303,08	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	389,31	984	416,75	
	Tốc độ tăng trưởng	%	106,33	107,50	105,23	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	105,88	104,50	105,19	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	108,11	112,90	103,96	
	- Dịch vụ	%	106,41	108,00	105,70	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	98,62	104,40	107,05	
	2	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	15.631,73	46.145	16.405,02
<i>Trong đó:</i>						
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản		Tỷ đồng	4.099,25	17.362,0	3.593,90	
- Công nghiệp và xây dựng		Tỷ đồng	3.567,88	9.129,4	4.085,25	
- Dịch vụ		Tỷ đồng	7.268,17	17.795,8	7.982,68	
- Thuế trừ trợ cấp SP		Tỷ đồng	696,73	1.857,3	743,19	
GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng		68,00		Đánh giá vào cuối năm	
3	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)		100	100	100	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	26,22	37,63	21,91	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	22,82	19,78	24,90	
	- Dịch vụ	%	46,50	38,57	48,66	
- Thuế trừ trợ cấp SP	%	4,46	4,03	4,53		
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:					
	Tổng số vốn	Tỷ đồng	8.309,5	21.208	8.361,8	Đạt 39% KH
5	Thu - Chi ngân sách:					
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.936	3.650	1.550	Đạt 42% KH
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	3.926	8.653	4.856	Đạt 56% KH
	Kết cấu - Hạ tầng					
	<i>Giao thông:</i>					
	Tỷ lệ nhựa hóa chung	%	66,7	70	69	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng 2022	NĂM 2023		GHI CHÚ
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	
6	Đô thị, nhà ở					
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	28	28	28	Đạt KH
	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	100	100	100	
	Bình quân m2 sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân	m2	25	25,5	25,1	Đạt 98% KH
	Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	100		
	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà	0	13		
	Cấp điện:					
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,14	99,2	99	Đạt KH
	Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	100	100	100	
	Nông nghiệp, thủy lợi:					
	Tỷ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới	%	81,27	83	82,38	
	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91,5	93		
7	Thương mại, dịch vụ, XNK (theo dõi):					
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	9.926	21.241	11.550	Đạt 54% KH
	Doanh thu du lịch tăng bình quân hàng năm	%				
	Số khách du lịch tăng bình quân hàng năm	%		20		
	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	570	1.271	572	Đạt 45% KH
Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	155	250	124	Đạt 50% KH	
8	Nông nghiệp (theo dõi):					
	Giá trị sản xuất bình quân trên/01 ha đất nông nghiệp	Triệu đồng		92		
	Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC)	ha	2.423,17	3.000		
9	Công nghiệp (theo dõi):					
	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP	%	7,85	9	5,41	
10	Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, TTHC (theo dõi):					Đánh giá vào cuối năm
	Chỉ số PCI	Xếp hạng		Tăng 1-2 bậc		
	Chỉ số PAPI	Xếp hạng		Nhóm TB		
	Chỉ số PAR Index	Xếp hạng		Nhóm TB		
B	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG					
11	Lao động và việc làm:					
	Số lao động được tạo việc làm	Người	10.302	18.200	10.511	Đạt 57,75%
	Đào tạo nghề	Người	3.456	4.000	437	Đạt 10,92%

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng 2022	NĂM 2023		GHI CHÚ
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	
	Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	11,5	15	11,23	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%		48		
12	Giảm nghèo:					Đánh giá vào cuối năm
	Tỷ lệ hộ nghèo	%		Giảm từ 3% trở lên		
	Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%		Giảm từ 5% trở lên		
13	Dân số					
	Dân số trung bình	Người		678.616		
	Phân đầu đạt mức sinh (số con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	Số con/phụ nữ	2,56	2,44	2,50	
14	Y tế:					
	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	19,8	20,2	20,2	Đạt KH
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	7,3	8,5	8,5	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	81,33	92,75	82,03	
	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%		26,7	27	Vượt KH
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	36	≥95	24,7	
15	Giáo dục:					
	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Trường	9	11	9	Đạt 81.8% KH
16	Văn hóa:					
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị	%	60,56	61		Đánh giá vào cuối năm
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	86,87	87		
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	89,9	90		
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	95,92	96		
17	Môi trường:					
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	38,15	39	38,52	Đánh giá vào cuối năm
	Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha		2.000		
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường	%		76		
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế, độc hại		100	90		
18	Nông thôn mới:					Đánh giá vào cuối năm
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	35/60	Tăng thêm 2 xã		
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	16,42	16,8		
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	0	2		

PHỤ LỤC III:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 759/QĐ-UBND NGÀY 25/4/2022 CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số 368 /BC-UBND ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4		5	6	7
A	KINH TẾ						
I	TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (GRDP)						
1	Theo giá hiện hành						
1.1	Quy mô GRDP						
1.1.1	Theo nội tệ	Tỷ đồng	15.687	39.970		16.405	
1.1.2	Theo ngoại tệ	Nghìn USD					
1,2	Cơ cấu GRDP						
	<i>Theo khu vực kinh tế</i>	%					
1.2.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	26,22	37,64		21,91	
1.2.2	Công nghiệp và xây dựng	"	22,82	19,61		24,9	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	"	13,13	11,38		14,87	
1.2.3	Dịch vụ	"	46,5	38,55		48,66	
1.2.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	"	4,46	4,21		4,53	
2	Tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh						
	<i>Theo khu vực kinh tế</i>	%	106,33	107,59	107,50	105,23	
2.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	105,88	105,21	104,50	105,19	
2.2	Công nghiệp và xây dựng	"	108,11	107,87	112,90	103,96	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	"	116,01	108,96		107,33	
2.3	Dịch vụ	"	106,41	110,40	108,00	105,70	
2.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	"	98,62	103,16	104,40	107,05	
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng		59,61	68		
3.1	GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành						Đánh giá vào cuối năm
3.1.1	Nội tệ	Triệu đồng		59,61			
3.1.2	Ngoại tệ	USD		0,00			
3.2	Tốc độ tăng GRDP bình quân đầu người theo giá so sánh	%		33,41			
II	NGÂN SÁCH						
1	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.700	3.469	> 3,650	1.550	
	<i>Tốc độ tăng</i>	%				-11,76	
	Trong đó: Thu nội địa	Tỷ đồng	1.862,35	3.288,65	3.470	1.464	
	<i>Tốc độ tăng thu nội địa</i>	%				-21	
	Tỷ lệ thu nội địa/tổng thu NSNN trên địa bàn	%	109,50	94,8		94	
2	Chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	3.762	9.316	8.653	4.855,7	
	<i>Tốc độ tăng</i>	%				29,07	
	Trong đó: Chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương	Tỷ đồng	1.715	2.045	3.774	2.779	
	<i>Tốc độ tăng</i>	%				62,04	
	Tỷ lệ chi đầu tư phát triển của NSDP trong chi cân đối NSDP	%	45,60	22		57	



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4		5	6	7
III	ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG						
1	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	8.309,5	19.280	21.208	8.362	
2	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh so với GRDP	%	54,82	43,94		50,97	
3	Đầu tư nước ngoài						
3.1	Số dự án đầu tư nước ngoài	Dự án					
3.2	Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký	Triệu USD					Trong kỳ không phát sinh
3.2.1	Cấp mới	"					
3.2.2	Điều chỉnh	"					
3.2.3	Góp vốn, mua cổ phần	"					
4	Xây dựng						
4.1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	M ²	25	25	25,5	25,1	
4.2	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà		13	13		Đánh giá vào cuối năm
IV	DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ						
1	Doanh nghiệp						
1.1	Doanh nghiệp thành lập mới						
1.1.1	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	334	787		274	
	Tốc độ tăng	%				-18	
1.1.2	Tổng số vốn đăng ký	Tỷ đồng	2.686	5.146		1.120	
	Tốc độ tăng	%				-58	
1.1.3	Tổng số lao động đăng ký	Người	924	2.993		903	
	Tốc độ tăng	%				-2,27	
1.2	Số doanh nghiệp giải thể	Doanh nghiệp	42	154		36	
	Tốc độ tăng	%				-14,28	
2	Hợp tác xã						
2.1	Số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hằng năm	Hợp tác xã	203	188		207	
2.2	Số lao động trong hợp tác xã đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hằng năm	Người	7.745	7.787		7.904	
2.3	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã	5	27	25	15	
2.4	Số hợp tác xã hoàn tất thủ tục giải thể	"	1	41		0	
2.5	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp	3	3		3	
2.6	Tổng số tổ hợp tác	Tổ	215	215		214	
V	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ THỦY LỢI						
1	Nông nghiệp						
1.1	Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng		90	92		
1.2	Cây lương thực có hạt						
1.2.1	Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt	Ha	6.712	53.649,1	50.170	7.285,5	
	Trong đó: Lúa	"	5.029	13.010	12.916	5.193,1	
1.2.2	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	45.484	346.823	328.599	49.230,0	
	Trong đó: Lúa	"	33.248	82.194	82.945	34.332	
1.3	Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người	Kg		517			
1.4	Sản lượng một số cây lâu năm	Tấn	114.927	520.979	534.502	113.456	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4		5	6	7
1.5	Số gia súc, gia cầm						
1.5.1	Trâu	Con	3.470	3.100	3.000	2.432	
1.5.2	Bò	"	27.306	27.400	29.000	23.213	
1.5.3	Lợn	"	342.000	450.800	500.000	429.920	
1.5.4	Gia cầm	Nghìn con	2.249	2.400.000	2.800	2.032	
1.6	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tấn					
1.6.1	Thịt trâu hơi	"	140	253	235	70	
1.6.2	Thịt bò hơi	"	839	1.586	1.494	630	
1.6.3	Thịt lợn hơi	"	26.726	59.057	67.835	36.600	
1.6.4	Thịt gia cầm hơi	"	4.582	11.104	12.436	4.700	
2	Lâm nghiệp						
	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha		2.039,6	2.000		Đánh giá vào cuối năm
3	Thủy sản						
3.1	Sản lượng thủy sản	Tấn	4.019	7.311	8.370	3.930	
3.1.1	Nuôi trồng	"	3.562	6.261	7.480	3.470	
3.1.2	Khai thác	"	457	1.050	890	460	
4	Thủy lợi						
	Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới	%	81	82	83	82	
VI	CÔNG NGHIỆP						
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	15,83	7,98	9	5,41	
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	"	4,95	3,67		5,01	
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	ĐVT					
2.1	Đá xây dựng các loại	10 ³ m ³	409	1.102	1.206	435	
2.2	Khí CO2	Tấn	3.073	6.500	8.000	2.761	
2.3	Gạch xây dựng	Tr.viên	37	82	83	38	
2.4	Còn công nghiệp	Tấn	7.389	12.500	14.000	5.314	
2.5	Cà phê bột	Tấn	903	1.890	1.970	953	
2.6	Ván MDF	m ³	23.549	37.300	50.000	17.500	
2.7	Chế biến cà phê nhân	10 ³ tấn	140	310	310	141	
2.8	Bàn, ghế, giường, tủ bằng gỗ các loại	S.phẩm	37.090	82.000	90.000	37.943	
2.9	Tinh bột sắn	Tấn	14.347	33.474	32.000	16.085	
2.10	Mủ Cao su (SVR10, RSS...)	Tấn	5.809	16.112	16.200	6.549	
2.11	Hạt điều nhân	Tấn	1.558	2.600	2.600	1.741	
2.12	Đậu phộng, đậu nành sấy	Tấn	1.918	4.280	4.500	1.417	
2.13	Bồn Inox, bồn nhựa	Sản phẩm	23.114	65.000	65.000	19.536	
2.14	Điện thương phẩm	Tr.kwh	393	759	795	403	
2.15	Điện sản xuất	Tr.kwh	974	2.355	2.595	1.039	
2.16	Nước máy	10 ³ m ³	2.049	4.050	4.600	2.214	
2.17	Đá sê ốp lát	10 ³ m ²	370	806	826	403	
2.18	Sản phẩm Alumin	10 ³ tấn	362	704	720	360	
VII	THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH						
1	Thương mại						
1.1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	7.735	14.744		8.227	
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	10,2	7,9		6,4	
1.2	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng	1.668	2.976,5		2.812	
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	76,86	103,17		68,6	
2	Du lịch						
2.1	Số lượt khách du lịch	Nghìn lượt khách	244,5	512,5	615	412	
2.2	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	26,3	65,6	78,8	79,4	
	<i>Tốc độ tăng</i>	%					

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4		5	6	7
VIII	CHỈ SỐ GIÁ						
	Chỉ số giá tiêu dùng (Năm trước =100)	%	102,80	102,98			
B	XÃ HỘI						
I	DÂN SỐ, LAO ĐỘNG						
1	Dân số						
1.1	Dân số trung bình	Nghìn người		670.558	678.616		
	<i>Trong đó:</i> Tỷ lệ dân số thành thị	%		16,68			
1.2	Mật độ dân số	Người/km ²		103,39			
1.3	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰		10,62			
1.4	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi		70,3			
	<i>Trong đó:</i> Số năm sống khỏe	Năm					
1.5	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái					
1.6	Tổng tỷ suất sinh	Số con/phụ nữ		2,54	2,44	2,5	
1.7	Chỉ số phát triển con người (HDI)						
2	Lao động						
2.1	Số lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	Người		389.375			
2.1.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"		287.532			
2.1.2	Công nghiệp và xây dựng	"		21.013			
2.1.3	Dịch vụ	"		80.828			
2.2	Cơ cấu lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	%		100			
2.2.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"		73,84			
2.2.2	Công nghiệp và xây dựng	"		5,40			
2.2.3	Dịch vụ	"		20,76			
2.3	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	11,45	11,72	15	11,23	
2.4	Tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	7,13		9	7,07	
II	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO						
1	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ	%		16,2			Đánh giá vào cuối năm
2	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo	%		90,2			
3	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	%		92,89			
3.1	Tiểu học	"		99,6			
3.2	Trung học cơ sở	"		92,14			
3.3	Trung học phổ thông	"		86,92			
4	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	%	54,89	56,47		59,31	
4.1	Mầm non	"	45,56	45,6		46,67	
4.2	Tiểu học	"	60,17	61		62,71	
4.3	Trung học cơ sở	"	62,34	67,5		71,43	
4.4	Trung học phổ thông	"	43,75	43,8		53,13	
5	Tỷ lệ phòng học kiên cố	%		70,30			Đánh giá vào cuối năm
5.1	Mầm non	"		42,1			
5.2	Tiểu học	"		55,5			
5.3	Trung học cơ sở	"		85,29			
5.4	Trung học phổ thông	"		98,3			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4		5	6	7
6	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Học sinh		37,60			Đánh giá vào cuối năm
6.1	Tiểu học	"		31			
6.2	Trung học cơ sở	"		39,1			
6.3	Trung học phổ thông	"		42,7			
7	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Học sinh		22,33			
7.1	Tiểu học	"		26,8			
7.2	Trung học cơ sở	"		22,1			
7.3	Trung học phổ thông	"		18,1			
III	Y TẾ						
1	Số được sĩ đại học trên 10.000 dân	Dược sĩ	1,08	1,79	2	1,79	
2	Số điều dưỡng viên trên 10.000 dân	Điều dưỡng	8,4	8,45	8,8	8,45	
3	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	7,3	8,5	Trên 8.5	8,5	
4	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	19,8	19,8	20,2	20,2	
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%					
5.1	Cân nặng theo tuổi	"		Viện Dinh dưỡng chưa công bố kết quả	17,5		Đánh giá vào cuối năm
5.2	Chiều cao theo tuổi	"			26,7		
6	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	95,8	95,8		95,8	
7	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	81,3	92	92,75	82,03	
8	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%		29,7			
9	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ làm việc	%	100	100	100	100	
10	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	36	93,3	≥ 95	24,7	
IV	MỨC SỐNG DÂN CƯ						
1	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%		7,97			Đánh giá cuối năm
	Mức giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	Điểm phần trăm		3,22			
2	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Nghìn đồng		3.386			
3	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%			80		
4	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	51,4		53	52,4	
5	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%			100		
6	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%			93		
7	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%			66,67		Đánh giá vào cuối năm
7.1	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%			10		
7.2	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%					
7.3	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí			16,8		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4		5	6	7
8	Số huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Huyện		1			Đánh giá vào cuối năm
	Tỷ lệ huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	%		12,5			
9	Số huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao	Huyện					
	Tỷ lệ huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao	%					
10	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%		88,09	87		
11	Tỷ lệ thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa	%		94,38	90		
12	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%		96,06	96		
13	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị	%		63,38	61		
C	MÔI TRƯỜNG, ĐÔ THỊ						
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%			> 39		
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	"		100			Đánh giá vào cuối năm
3	Tỷ lệ chất thải nguy hại được phân loại, thu gom, chuyên giao cho đơn vị xử lý, đơn vị tự xử lý	"		100			
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	"		90			
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại (tái sử dụng, tái chế, thực phẩm, chất thải rắn khác), lưu giữ, chuyển giao	"					
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đến điểm tập kết, trạm trung chuyển	"		72			
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý	"		72	76		
8	Tỷ lệ khu dân cư, đô thị có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải đô thị.	"		25			
9	Tỷ lệ khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) tương ứng.	"		50			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ước thực hiện 6 tháng năm 2023	Ghi chú	
1	2	3	4		5	6	7	
10	Tỷ lệ khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao đang hoạt động có diện tích cây xanh đáp ứng quy định của bộ Xây dựng	"			15		Đánh giá vào cuối năm	
11	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN tương ứng.	"						
12	Tỷ lệ các nguồn thải khí thải có hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN.	"						
13	Tỷ lệ các nguồn thải nước thải có hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN.	"						
14	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường	"		100				
15	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	"		0				
16	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%		50				
13	Tỷ lệ đô thị hóa	%	28	28	> 28	28		
D	CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH							Đánh giá vào cuối năm
1	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Điểm		64,87				
	Xếp hạng			38/63	Tăng 1-2 bậc			
2	Chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin (ICT index)	Điểm						
3	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Điểm		40,5				
	Xếp hạng			Nhóm Thấp	Nhóm TB			
4	Chỉ số cải cách hành chính (Par index)	%						
	Xếp hạng			37/63	Nhóm TB			
5	Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS)	%		31/63				

